

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ

(Đính kèm Thư mời báo giá số 17/TCĐGL ngày 17 tháng 7 năm 2024)

TT	Danh mục trang thiết bị	Đơn vị	SL	Ghi chú
I	Nghề Điều dưỡng			
1	Mô hình đa năng	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Máy tính xách tay: 01 cái			
	- Ống nghe: 01 cái			
	- Smart Scope và cáp sạc: 01 bộ			
	- Bộ đo huyết áp SmartCuff: 01 bộ			
	- Dầu bôi trơn: 01 lọ			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	Mô hình bệnh nhân toàn thân người lớn			
	Nhận dạng giọng nói (NLP): lên đến 1000 câu hỏi mỗi ngày			
	Đặt nội khí quản – Miệng, Mũi và Kỹ thuật số			
	Mạch sờ thấy – Hai bên			
	Động mạch cảnh			
	Cánh tay			
	Xuyên tâm			
	Mu bàn chân			
	Huyết áp hai bên (HA thủ công & 2 bước) với Smartscope & Smartcuff			
	Âm thanh tim và ruột trước với Smartscope			
	Âm phổi trước/sau với Smartscope			
	Thở tự nhiên – Đồng bộ với Nhịp thở			
	Thông gió BVM			
	Theo dõi bệnh nhân với Vitals và dạng sóng			
	HR, RR, ETCO2, SPO2, TEMP, BP, ECG & MAP			
	AED ảo/Tạo nhịp & ECG 12 chuyển đạo			
	CPR với các số liệu Lập biểu đồ Độ sâu, Tốc độ & Thông khí: LIVE			
	Điều khiển mô phỏng từ xa theo thời gian thực			
	Các kịch bản đi kèm với bệnh nhân có thể tùy chỉnh			
	Các mục tiêu có thể đo lường với Đánh giá tự động			
	Yêu cầu của bệnh nhân			
	Micrô và loa tích hợp			
	Sự kiện, Mục tiêu & Bản ghi nhật ký			
	Bản ghi nhật ký phiên âm giao tiếp			
	Iris Cam – Phát trực tiếp			
	Iris Cam – ghi âm 1.000 giờ			
	Nhật ký mô phỏng Lưu trữ 1 năm			
	Điều khiển được kết nối với đám mây			

	Mô hình mô phỏng bệnh nhân di chuyển được lắp ráp hoàn chỉnh với giải pháp nghe nhìn tích hợp. ALEX cung cấp trải nghiệm tương tác nơi người học có thể thực hiện các đánh giá theo thời gian thực và các kỹ năng lâm sàng để đáp ứng các yêu cầu giáo dục cho các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện tại và tương lai.			
	Các mục nhật ký được đóng dấu thời gian được tạo cho các kỹ năng như · Đo huyết áp, bao gồm cả huyết áp hai bước			
	· Cảm thấy xung			
	· Nghe tiếng tim, phổi và ruột			
	· CPR –tốc độ nén/độ sâu & thông khí			
	ALEX được trang bị khả năng đặt nội khí quản và quan sát lồng ngực phồng lên và xẹp xuống tự nhiên có thể lập trình cho nhu cầu hô hấp của bạn.			
	Với tư cách là người hướng dẫn, bạn sẽ có thể kiểm soát các chỉ số sức sống, định cấu hình và chạy các tình huống, tạo các mục tiêu có thể đo lường được, giao tiếp với người học từ xa qua micrô và loa bên trong, thậm chí xem từ góc nhìn của bệnh nhân thông qua IrisCam™. Tất cả những điều này có thể được thực hiện trên đám mây bằng máy tính, máy tính bảng hoặc điện thoại di động. ALEX phải được kết nối với Internet để có đầy đủ chức năng.			
	Chúng có thể được kết nối thông qua kết nối có dây (Ethernet) hoặc kết nối không dây (Wi-Fi®)			
	Sử dụng mô hình:			
	SmartScope™			
	SmartScope™ cho phép bạn nghe âm thanh cơ thể phát ra từ ALEX như thể trình mô phỏng là một bệnh nhân thực sự. SmartScope™ là một phụ kiện màu trắng có dây đeo màu đỏ có thể gắn vào ống nghe.			
	Sử dụng SmartScope™: Âm thanh và Thính chẩn			
	Bạn có thể nghe thấy âm thanh cơ thể phát ra từ ALEX bằng SmartScope™.			
	ALEX có khả năng phát ra âm thanh của tim, ruột và phổi. Phổi trái và phải có thể được kiểm soát độc lập.			
	Có thể thay đổi âm thanh bằng Ứng dụng web để mô phỏng các điều kiện khác nhau.			
	Nhật ký âm thanh tim			
	Động mạch chủ (A) Nghe tiếng tim ở vùng động mạch chủ			
	Phổi (P) Nghe tiếng tim ở vùng phổi			
	Điểm Erb (E) Nghe tiếng tim tại vùng điểm Erb			
	Ba lá (T) Nghe tiếng tim ở vùng ba lá			
	Mitral (M) Nghe tiếng tim ở vùng van hai lá			
	âm thanh phổi			
	Thùy trên bên phải (RUL) Nghe âm phổi ở vùng RUL trước/sau			

	Thùy giữa bên phải (RML) Nghe âm phổi ở vùng RML phía trước			
	Thùy dưới bên phải (RLL) Nghe âm phổi ở vùng RLL trước/sau			
	Thùy trên trái (LUL) Nghe âm phổi ở vùng LUL trước/sau			
	Thùy dưới bên trái (LLL) Nghe âm phổi ở vùng LLL trước/sau			
	Âm thanh ruột			
	Động mạch chủ (B-A) Nghe âm ruột ở vùng động mạch chủ			
	Thận (B-R) Nghe âm thanh ruột vùng thận trái/phải			
	Xương chậu (B-I) Nghe âm thanh ruột vùng chậu trái/phải			
	Để nghe âm thanh, chỉ cần đặt SmartScope™ trên các vị trí thính chẩn phù hợp về mặt giải phẫu và nghe qua miếng tai của ống nghe. Mỗi khi một vị trí được nghe, nó sẽ hiển thị trên nhật ký trên Ứng dụng web.			
	Đánh giá huyết áp			
	ALEX đi kèm với SmartCuff™, vòng bít đo huyết áp có cảm biến tích hợp để mô phỏng quá trình đo huyết áp.			
	Đặt vòng đo huyết áp lên một trong hai cánh tay và thổi phồng như cách bạn làm với một bệnh nhân thực sự.			
	Có thể nghe thấy âm thanh Korotkoff thích hợp khi sử dụng SmartCuff™ để nghe các vị trí trước cánh tay thích hợp khi áp suất trong vòng đo huyết áp thay đổi.			
	Cường độ xung hướng tâm sẽ thay đổi khi áp suất trong vòng đo huyết áp thay đổi.			
	Huyết áp có thể được thay đổi từ Ứng dụng web.			
	Bộ phận sinh dục nam được bao gồm trong ALEX			
	Thực hiện thông tiểu			
	ALEX có thể được sử dụng để thực hiện thông tiểu trên cơ quan sinh dục nam			
	Khi làm sạch và “khử trùng” cơ quan sinh dục, hãy sử dụng nước cất. Không sử dụng i-ốt hoặc các dung dịch khử trùng khác vì chúng có thể làm bẩn thiết bị mô phỏng.			
	Bôi trơn ống thông bằng chất bôi trơn gốc nước trước khi luồn ống thông.			
	Bạn có thể sử dụng ống thông thẳng cỡ 14-18 Fr hoặc Foley. Nếu sử dụng ống thông Foley, không bơm bóng với hơn 15 cc chất lỏng. Nếu hơn 15 cc chất lỏng được sử dụng để bơm hơi, ống thông sẽ không di chuyển tự do trong bàng quang.			
	Lực cản thực tế sẽ được cảm nhận khi ống thông đi từ niệu đạo đến bàng quang.			
	Ống thông Foley được bơm căng sẽ không thể rút ra khỏi bàng quang khi được bơm căng. Cố gắng tháo ống thông Foley bị phồng ra một cách mạnh mẽ có thể làm hỏng thiết bị mô phỏng.			
	Luôn rút ống thông ngay sau khi tập luyện. Để ống thông tại chỗ trong thời gian dài có thể làm hỏng vĩnh viễn cả ống thông và dụng cụ huấn luyện.			

	Khi tập luyện xong, hãy tháo cơ quan sinh dục và để chất bôi trơn khô tự nhiên trước khi cất giữ.			
	Đường thở			
	ALEX có đường thở chính xác về mặt giải phẫu có thể được đặt nội khí quản và thông khí. Khi được thông khí, ALEX sẽ thể hiện ngực và bụng nhô lên như thật để biểu thị hiệu suất thông khí.			
	Các thủ tục sau đây có thể được thực hiện:			
	• Đầu nghiêng cầm nâng			
	• Lực đẩy hàm			
	• Thông gió dạng B-V-M			
	• Đặt nội khí quản và thông khí			
	• Đặt khí mũi họng			
	ALEX đại diện cho bệnh nhân nam cao 5 ft. 3" (160 cm) nặng khoảng 120 lbs. (54 kg). Đường thở lựa chọn kích thước phụ trợ có thể được hướng dẫn bởi các tham số này, với một số ngoại lệ. Xem biểu đồ dưới đây để biết kích thước được đề xuất và khuyến nghị lâm sàng cho bệnh nhân có kích thước của ALEX. Một số khuyến nghị kích thước được sửa chữa khác với hướng dẫn dành cho bệnh nhân điển hình của loại cơ thể này để đảm bảo vừa vặn và phù hợp để giảm thiểu thiệt hại cho mô hình.			
	• Không sử dụng bất kỳ dụng cụ hỗ trợ đường thở nào ngoài các loại và kích cỡ được khuyến nghị ở trên. Sử dụng các phụ kiện hoặc kích cỡ đường thở khác có thể làm hỏng đường thở.			
	• Các hướng dẫn dành cho bệnh nhân thuộc loại cơ thể của ALEX được chỉ ra trong biểu đồ ở trên chỉ được cung cấp như một điểm tham khảo. Các khuyến nghị lâm sàng có thể khác nhau tùy theo khu vực.			
	• Không sử dụng ALEX để cấp cứu hô hấp liên quan đến chất gây ô nhiễm của con người.			
	• Trước khi thực hiện đặt nội khí quản, xịt thiết bị đường thở bằng chất bôi trơn (đi kèm). Không phun chất bôi trơn trực tiếp vào đường thở.			
	• Không đưa chất lỏng vào đường thở. Làm như vậy có thể làm hỏng trình mô phỏng.			
	Thở			
	Có thể thay đổi kiểu và tốc độ hô hấp của ALEX từ Ứng dụng web. Thay đổi nhịp thở sẽ làm thay đổi tần số lồng ngực.			
	ALEX có khả năng thở bình thường khi nằm ngửa, ngồi thẳng ở góc 90° hoặc bất kỳ vị trí nào ở giữa.			
	Xung			
	ALEX có 8 vị trí xung:			
	• Pedal Trái/Phải			
	• Hướng tâm Trái/Phải			
	• Cánh tay Trái/Phải			
	• Động mạch cánh trái/phải			

	Các xung được kích hoạt khi chúng được chạm vào và được đồng bộ hóa với nhịp ECG được chỉ định trong Ứng dụng web. Cường độ xung thay đổi tùy theo vị trí sờ thấy (ví dụ: mạch cảnh mạnh hơn pedal) và huyết áp tâm thu			
	Mỗi khi các xung được kiểm tra, nó sẽ được ghi lại trên Ứng dụng web.			
	Hô hấp nhân tạo			
	Thực hiện ép ngực trên ALEX bất cứ lúc nào để luyện tập về CPR.			
	Khi bắt đầu ép ngực, chuyển động của ngực sẽ tạm thời dừng lại cho đến khi không còn thực hiện ép ngực nữa.			
	Sau khi CPR được bắt đầu, sẽ có một mục nhập nhật ký có thể được nhấp vào để xem dữ liệu về tốc độ và độ sâu ép ngực.			
	Nếu thông khí đang được thực hiện trong CPR, sẽ có một chỉ báo thông khí được hiển thị trên cùng một biểu đồ.			
	IrisCam™			
	ALEX có thể phát trực tiếp từ IrisCam™ ở mắt phải và quay 1000 giờ.			
	Giao tiếp bằng giọng nói và âm thanh với ALEX			
	Nói chuyện với ALEX			
	1. Chạm nhanh lòng bàn tay của bạn vào vai ALEX để kích hoạt khả năng trò chuyện			
	• Bạn sẽ cảm thấy rung và âm thanh “be-beep” cho biết ALEX hiện đang lắng nghe bạn.			
	• Cuộc trò chuyện của ALEX có thể được kích hoạt bằng cách chạm vào một trong hai vai			
	• ALEX sẽ tiếp tục lắng nghe bạn cho đến khi bạn lại chạm tay vào vai hoặc nói “OK, THANK YOU, ALEX.” Khi cuộc trò chuyện không còn hoạt động, bạn sẽ nghe thấy âm thanh “be-boop”.			
	2. Đặt câu hỏi cho ALEX như thể bạn đang giao tiếp với một bệnh nhân thực sự.			
	3. ALEX sẽ trả lời bạn.			
	• Phản hồi của ALEX sẽ khác nhau dựa trên loại bệnh nhân đang được mô phỏng.			
	• Các câu hỏi mà ALEX nghe và các câu trả lời được ghi lại trên Ứng dụng web ALEX.			
	Chuyển văn bản thành giọng nói			
	Người hướng dẫn có thể nhập các cụm từ vào ứng dụng web và ALEX sẽ nói chúng với học viên.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
2	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	1	
	Model: LF01174U			
	Hãng sản xuất: Nasco			
	Cấu hình bao gồm:			

	- 01 Mô hình chính			
	- 01 Chai xịt chất bôi trơn			
	- 01 Gói chất làm đặc			
	- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Các móc giải phẫu thực tế, khí quản, thực quản, phổi và dạ dày.			
	- Chất làm đặc có thể trộn với nước để mô phỏng dịch nhày của một bệnh nhân thật. Có thể thêm dịch để chăm sóc mở thông khí quản và hút thực tế.			
	- Cho phép thực hành thay băng.			
	- Các quy trình thực tế bao gồm: chăm sóc ống thông mũi – dạ dày như đặt, rửa, và tháo; cho ăn và rửa dạ dày; đặt và tháo ống cho ăn để thực hành cho ăn; chăm sóc ống thông mũi và thực quản; chăm sóc phần miệng – hầu, mũi – hầu; và chăm sóc ống mở khí quản			
	- Có thể thực hành đặt nội khí quản bằng lưỡi đèn soi thanh quản và ống cỡ 6.0 ET			
	Được thiết kế để sử dụng ống mở khí quản cỡ 6, ống ET cỡ 6,0 mm và ống NG			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
3	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Lọ bôi trơn: 01 cái			
	- Ống thông silicon: 01 cái			
	- Tài liệu HDSD: 01 tài liệu			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Một ống thông được bôi trơn có thể đưa vào lỗ niệu đạo, qua niệu đạo và đi vào bàng quang.			
	- Khi đã đi vào bàng quang, nước tiểu giả sẽ theo ống thông chảy ra.			
	- Sinh viên sẽ cảm nhận được các lực cản thông thường tạo ra bởi các nếp gấp niêm mạc, niệu đạo bị phồng và cơ thắt bên trong niệu đạo, chỉ trước khi đi vào bên trong bàng quang.			
	- Giảng dạy vị trí chính xác và các chuyển động của dương vật cho phép ống thông vào dễ dàng			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
4	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Lọ bôi trơn: 01 cái			
	- Ống thông silicon: 01 cái			
	- Tài liệu HDSD: 01 tài liệu			
	Đặc tính kỹ thuật:			

	-Mô hình bán thân dưới của phụ nữ trung tuổi với bắp đùi dạng ra ở vị trí thích hợp cho thông tiểu.			
	- Bao gồm: bàng quang, niệu đạo và van mô phỏng cơ vòng niệu đạo trong			
	- Có cảm giác thông thường với sự cản trở và áp lực khi ống thông qua niệu đạo, qua cơ vòng và vào bàng quang.			
	- Khi ống thông vào đến bàng quang, nước tiểu nhân tạo sẽ chảy ra từ ống thông			
	- Bộ phận sinh dục bên ngoài và đáy chậu được thiết kế như thật.			
	- Môi nhỏ âm hộ có thể mở rộng tự nhiên để lộ âm vật, lỗ niệu đạo và âm đạo.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
5	Mô hình tiêm mông	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Thiết bị điện tử: 01 cái			
	- Bơm tiêm: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình chất lượng cao lý tưởng cho việc giảng dạy kỹ thuật tiêm trong cơ chính xác.			
	- Gắn vào mông để xác định tất cả các vị trí tiêm trong cơ cần thiết.			
	- Hoạt động trên pin AA			
	- Phản hồi cả nghe và nhìn.			
	- Sử dụng để đào tạo và đánh giá thực hành.			
	- Bao gồm các móc giải phẫu quan trọng có thể sờ thấy.			
	- Da silicon giống thật, bền, có thể thay thế một cách nhanh chóng.			
	- Dễ dàng vệ sinh.			
	Các phím đèn:			
	- Đèn trạng thái (đèn LED màu đỏ) cho pin			
	- Nút bắt đầu			
	- Nút T (chế độ đào tạo)			
	- Chỉ báo trạng thái (đèn LED màu vàng) nút T			
	- Chỉ báo trạng thái (đèn LED màu vàng) cho nút C			
	- Nút C (chế độ điều khiển)			
	- Chỉ thị kết quả (đèn LED màu đỏ hoặc xanh lá cây)			
	Hiển thị kết quả:			
	- Tiêm đúng vị trí: Xanh			
	- Tiêm sai vị trí: Không tín hiệu/Đỏ			
	- Không đủ sâu: Không tín hiệu/Đỏ			
	- Tiêm vào đến xương: Đỏ			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
6	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			

	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình bán thân người trưởng thành: 1 cái			
	- Phần mềm theo dõi và tính điểm (cài sẵn trong máy tính): 1 bộ			
	- Máy tính xách tay: 1 cái			
	- Túi xách đựng mô hình: 1 cái			
	- Áo cho mô hình: 1 cái			
	- Phổi thay thế: 1 bộ			
	- Bóng bópambu: 01 cái			
	- Cáp nối USB: 01			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 1 bộ			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Thực hành CPR chất lượng tốt hơn			
	- Mô hình có độ chân thực cao với ngoại hình giống thật. Nó vượt qua các hệ thống khác về độ chính xác của phép đo, phản hồi và báo cáo về nhiều thông số quan trọng hơn đối với bệnh nhân.			
	- Hệ thống đưa ra phản hồi hoàn chỉnh chính xác			
	- Hệ thống này cung cấp độ sâu thực và đơn giản để điều chỉnh lực cản của ngực. Nó phát hiện dựa vào ngực và nhạy cảm với chuyển động ra khỏi vị trí chính xác. Thổi ngạt cung cấp hiển thị chính xác thể tích và hiển thị thời gian thực chính xác cho tốc độ thổi ngạt.			
	- Tưới máu não			
	- Liên quan đến chất lượng và thời gian thực hiện các kỹ năng. Cập nhật từng giây.			
	- Dòng triều			
	- Cải thiện việc sử dụng BVM. Bạn thấy luồng khí chính xác với Thể tích và Tốc độ khi nó di chuyển vào phổi.			
	TÍNH NĂNG:			
	Các tính năng chính			
	Đăng nhập nhanh bằng mã QR			
	Phần mềm đào tạo kỹ năng BLS			
	Phần mềm tính năng đào tạo nâng cao			
	Phần mềm dữ liệu cơ bản QCI			
	Gói phần mềm công cụ dành cho giảng viên			
	Ép tim độ sâu đầy đủ			
	Thông tin về thể tích, tốc độ và lưu lượng khí			
	Cột mốc thực tế để đánh giá vị trí tay			
	Dữ liệu có sẵn ngay lập tức và sau đó			
	Đăng nhập chung nhanh			
	Dễ dàng điều chỉnh sức kháng của ngực, không cần mở để thay đổi lò xo			
	Thực hành kỹ năng cho các bệnh nhân có kích thước khác nhau			
	Hiệu suất xem xét vị trí tay			
	Kỹ năng BLS CPR			
	Chế độ thực hành cho các hoạt động			

	Chế độ kiểm tra cho các hoạt động			
	Thực hiện các kỹ năng với phản hồi hiển thị Bật hoặc Tắt (Blind)			
	Mô-đun ép tim BLS			
	· Chế độ thực hành chỉ ép tim 30x2 (2 chu kỳ)			
	· Chế độ thực hành chỉ ép tim 50x2 (2 chu kỳ)			
	· Chế độ thực hành chỉ ép tim 100x2 (2 chu kỳ)			
	· Chế độ kiểm tra chỉ ép tim 30x2 (2 chu kỳ)			
	· Chế độ kiểm tra chỉ ép tim 50x2 (4 chu kỳ)			
	· Chế độ kiểm tra chỉ ép tim 100x4 (4 chu kỳ)			
	Mô-đun thổi ngạt			
	· Thổi ngạt - Mô-đun thở cứu hộ			
	· Thổi ngạt - Mô-đun Hơi thở CPR			
	Mô-đun BLS CPR			
	· Chế độ thực hành CPR 1 người (2 Chu kỳ 30:2)			
	· Chế độ thực hành CPR 2 người (5 Chu kỳ 30:2)			
	· Chế độ kiểm tra CPR 1 người (4 Chu kỳ 30:2)			
	· Chế độ kiểm tra CPR 2 người (10 Chu kỳ 30:2)			
	· Chế độ kiểm tra CPR 2 người (10 Chu kỳ 15:2)			
	· Chế độ thực hành CPR 2 người (5 Chu kỳ 30:2)			
	Giao diện CPR (BLS & ALS)			
	Đăng nhập			
	· Thực hành, Chung, Tên nhóm, Tên cá nhân			
	Chế độ			
	· Kiểm tra & kiểm tra chính mình			
	· Chế độ Kiểm tra Điểm mù (bao gồm Bật/Tắt Phản hồi "Trong khi hoạt động")			
	Các hình thức đào tạo			
	· Tiêu chuẩn			
	· Nâng cao			
	Loại điểm			
	· Giá trị đối với bệnh nhân, sự tuân thủ, so với những người khác			
	Kết quả			
	· Được lưu trữ trên ổ cứng cục bộ, có thể truy cập ngay lập tức			
	Thổi ngạt mô phỏng (SIM)			
	Mô-đun thể tích chính			
	· Hiển thị trực quan khi không khí đi vào phổi			
	· Thể tích mục tiêu			
	Mô-đun tốc độ chính			
	· Hẹn giờ chạy			
	· Được đồng bộ hóa với dòng thể tích			
	Mô-đun dòng triều			
	· Hiển thị luồng không khí vào, tạm dừng và luồng ra			
	· Hiển thị BVM			

Quản lý dữ liệu cơ bản QCI			
Mô-đun đăng ký			
· Định danh duy nhất			
· Đăng ký thông tin đăng nhập chung, đăng nhập nhóm hoặc cá nhân			
Mô-đun dữ liệu			
· Được lưu trữ trên máy cục bộ			
· Xem kết quả ngay lập tức			
· Xem sau			
Mô-đun Phân tích hiệu suất			
· Điểm hiệu suất			
· Biểu đồ phân tích ép tim với độ sâu, tốc độ và độ giật			
· Biểu đồ phân tích thời ngạt với thể tích, tốc độ và quãng nghỉ.			
Mô-đun hiển thị			
· Hiển thị trên màn hình máy tính			
· Hiển thị trên máy chiếu			
· Hiển thị trên màn hình bên ngoài			
Mô-đun in nhanh QCI			
· Lựa chọn một nút			
· Tạo danh sách với tên, ngày tháng, điểm số			
· Xuất Kết quả Nhóm sang Excel			
Đăng nhập nhanh bằng mã QR			
· Liên kết trang web để tạo mã QR duy nhất			
· Truy cập liên kết trên mọi điện thoại			
· Nhấp chuột đơn giản, quét, đăng nhập			
· Mã QR người dùng tiếp theo Tự động khởi động lại hoạt động			
Các tính năng đào tạo cơ bản			
Khởi động lại một hoạt động			
· Một cú nhấp chuột để dừng/tạm dừng hoặc khởi động lại hoạt động			
· Một cú nhấp chuột để người tiếp theo thực hiện cùng một hoạt động			
Định lại kích thước màn hình			
· Kéo đến bất kỳ màn hình kích thước nào			
· Phù hợp với một màn hình bên ngoài			
· Nút định lại kích thước tự động			
Truy cập không cần Mô hình			
· Mang máy tính ra bên ngoài để kiểm tra kết quả hoặc tạo thông tin đăng nhập			
· Tạo biểu đồ kết quả			
· Xuất dữ liệu sang Excel			
Các tính năng đào tạo nâng cao			
Bật / Tắt bộ đếm nhịp			

	· Giúp học sinh điều chỉnh tốc độ ép			
	· Bộ đếm nhịp thính giác để thổi ngạt			
	· Giúp sinh viên điều chỉnh tốc độ và thời gian thổi ngạt			
	· Có thể được bật hoặc tắt trong quá trình đào tạo			
	· Có thể cài đặt tốc độ bộ đếm nhịp			
	Bật / Tắt phản hồi			
	· Dữ liệu được ghi lại ở chế độ bật / tắt phản hồi			
	· Hiện thị điểm và dữ liệu khi hoàn thành khi phản hồi tắt			
	· Giúp học sinh vừa học vừa làm, xây dựng trí nhớ chính xác			
	· Cho phép giảng viên giao nhiệm vụ để đánh giá khách quan			
	· Tính năng cần thiết cho nghiên cứu khách quan			
	Tạm dừng trong quá trình đào tạo			
	· Cho phép người hướng dẫn tạm dừng hoặc tiếp tục đào tạo			
	· Trên màn hình đơn giản Nhấp để Bật/Tắt			
	Tưới máu não mô phỏng (SIM)			
	· Được hiển thị trong thời gian thực của hoạt động hoặc code			
	· Biểu đồ "Tùng giây" được tô màu cho biết Lưu lượng máu não (Lý tưởng)			
	· Đáp ứng chất lượng CPR được thực hiện			
	· "Bật/Tắt" trong Hoạt động			
	Một cú nhấp chuột để Zip kết quả hoặc tệp đào tạo			
	· Gửi tệp zip đến địa chỉ email đã chọn			
	· Đối chiếu và gửi kết quả một cách dễ dàng			
	· Không cần kết nối với mô hình			
	Trình tạo danh sách một lần nhấp			
	· Tạo danh sách tên, điểm và ngày			
	· Tạo hồ sơ in của tất cả những người đã hoàn thành khóa đào tạo			
	Hiện thị Hand-Off (Phân số)			
	· Cho thấy phản ứng tuần hoàn đối với các kỹ năng			
	· Hiện thị thời gian cho toàn bộ hoạt động			
	Thay đổi thông số kỹ năng			
	· Thiết lập số chu kỳ và số lần ép tim			
	· Tùy chỉnh các thông số (Đặt lại mặc định cho Nguyên tắc mới nhất)			
	Công cụ kết quả			
	Công cụ đăng nhập			
	· Tạo đăng nhập mà không cần Mô hình			
	· Tạo đăng nhập mà không cần Internet			
	· Sắp xếp theo số, tên và ID đăng nhập			
	· Đăng nhập qua lớp học			
	· Sắp xếp qua các lớp học và chỉ xem các học sinh trong lớp đó			
	Xem kết quả			
	· Xem lại kết quả ngay lập tức hoặc sau			

	· Xem kết quả của bất kỳ học sinh nào			
	· Chọn kết quả theo ngày			
	· Xem kết quả không cần mô hình			
	· Xuất sang Excel			
	· Chọn kết quả theo kỹ năng thực hiện			
	· Tạo nhanh danh sách lớp với điểm			
	· Tạo danh sách lớp với tên và điểm			
	· Tạo nhanh biểu đồ kết quả			
	Công cụ dành cho giảng viên (Gửi kết quả)			
	· Tự động tạo một tệp Zip của tất cả các kết quả			
	· Dễ dàng gửi tất cả kết quả đến một địa chỉ email			
	· Lưu trữ nhanh kết quả			
	Công cụ dành cho giảng viên (Công cụ dành cho nhóm)			
	· Tạo nhiều lần đăng nhập cùng một lúc			
	· Xác minh thông tin đăng nhập được tạo chính xác			
	· Tạo lớp học với sinh viên			
	· Xác minh Lớp học với Học sinh được tạo đúng			
	· Đăng ký sinh viên mà không cần mô hình			
	· Đăng ký trước khi sinh viên đến			
	· Chèn mã khóa tự động			
	· Đăng ký số lượng lớn			
	· Tự động liên kết đến video hướng dẫn			
	Thực hành kỹ năng ép tim lồng ngực trên mô hình:			
	Kết quả được hiển thị trên màn hình như sau:			
	· Chiều sâu ép đúng: từ 5 cm đến 6 cm			
	· Chiều sâu ép quá sâu: > 6 cm			
	· Chiều sâu ép quá nông: < 5 cm			
	· Màu mục tiêu: Màu xanh nhạt là mọi thứ chính xác			
	· Chiều sâu ép mục tiêu: Giữa hai đường màu xanh			
	· Thanh màu đỏ: Ép quá chậm			
	· Thanh màu cam: Ép quá nhanh			
	· Màu đỏ trên cùng là đã chạm đáy			
	· Màu xanh đậm là tốc độ chính xác, nhưng không đủ sâu			
	· Màu vàng trên cùng là quá sâu nhưng chưa chạm đáy			
	· Màu vàng dưới cùng là ngực không phản ứng			
	Thực hành hà hơi thổi ngạt trên mô hình:			
	Kết quả thực hành thổi ngạt được hiển thị trên màn hình như sau:			
	· Thể tích đúng: từ 0,5 L đến 0,7 L			
	· Thể tích quá lớn: > 0,7 L			
	· Thể tích quá nhỏ: < 0,5 L			
	· Màu mục tiêu: Màu xanh nhạt là mọi thứ chính xác			
	· Thể tích khí mục tiêu: Giữa hai đường màu xanh			
	· Thanh đỏ dọc: Quá chậm			
	· Thanh đỏ ngang: Khoảng thời gian nghỉ quá lâu			

	· Thanh cam dọc: Quá nhanh			
	· Thanh cam ngang: Khoảng thời gian nghỉ quá ngắn			
	· Màu xanh đậm: Tốc độ hạ hơi thổi ngạt chính xác nhưng chưa đủ thể tích			
	· Màu xanh nhạt dọc: Tốc độ và thể tích thổi ngạt đúng			
	· Màu xanh nhạt ngang: Khoảng thời gian nghỉ chính xác.			
	THỂ TÍCH THẤP (LV)			
	Công nghệ này mang lại cảm giác chân thực cho sự chuyển động của không khí bên trong bệnh nhân vì nó liên quan đến ép tim và thổi ngạt cho bệnh nhân. Điều này cải thiện việc đào tạo vì học sinh có thể cảm nhận và nhìn thấy khi họ không làm việc cùng nhau.			
	Giao thức			
	Trong giao thức thể tích thấp, thực hiện ép tim liên tục xen kẽ với thổi ngạt thể tích thấp cứ sau 6 giây mà không làm gián đoạn quá trình ép tim. Với hệ thống đào tạo SmartMan này, học cách giảm thiểu áp lực quá mức trong cổ họng và sử dụng áp suất âm được tạo ra khi giải phóng lồng ngực với thổi ngạt để tối ưu hóa giá trị cho bệnh nhân.			
	DTFIS			
	Hệ thống tương tác dòng triều Delta (DTFIS) chỉ có trong Sản phẩm SmartMan. Công nghệ này cung cấp phép đo chính xác, cảm giác vật lý chân thực và hiển thị kỹ thuật số theo thời gian thực về chuyển động của không khí vào và ra khỏi phổi trong quá trình thực hiện CPR.			
	· Hiển thị chính xác tốc độ dòng khí			
	· Hiển thị chính xác thể tích khí			
	· Thể tích và tốc độ bao gồm không khí di chuyển bằng cách ép ngực			
	· Học cách giảm thiểu các lực đối kháng ở ngực và phổi			
	· Thể hiện ảnh hưởng của áp suất dương và âm			
	· Tính toán ảnh hưởng của lượng khí dư đối với tốc độ và thể tích			
	Phản hồi			
	Có một cảm giác vật lý về sự tương tác giữa lồng ngực và đường thở khi các kỹ năng được thực hiện. Ngoài ra, bạn có thể theo dõi phản hồi màu kỹ thuật số để biết thời gian và sự tương tác tạo ra áp lực quá mức trong lồng ngực			
7	Mô hình thụt tháo	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Hộp đựng mô hình: 01 cái			
	- Dầu bôi trơn: 01 lọ			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01			
	* Đặc tính kỹ thuật:			

	- Được sử dụng để hướng dẫn cho từng nhóm sinh viên thực tập			
	- Thực hành thực tháo các thao tác tiêu chuẩn sử dụng các dụng cụ thực tháo – không có dụng cụ nào đặt biệt được yêu cầu.			
	- Tất cả các đặc điểm của mô hình giống như thật đến từng chi tiết.			
	- Phần mông trên linh động, người sử dụng có thể nâng mông lên để định vị và cài vào hậu môn.			
	- Một ống được cung cấp kèm theo để dung dịch có thể được tháo ra.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
8	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Hộp/Túi đựng mô hình: 01 cái			
	- 01 tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	- Máu giả, bơm tiêm 3cc, bơm tiêm 12cc, kim tiêm: 1 bộ			
	- Túi đựng dịch: 2 cái			
	* Đặc tính kỹ thuật và ứng dụng:			
	- Cung cấp khả năng tiếp cận tĩnh mạch hoàn toàn cho liệu pháp IV và thủ thuật mở tĩnh mạch, cùng với các vị trí tiêm bắp và tiêm trong da			
	- Hệ thống mạch máu 8 đường cho phép thực hành tiêm tĩnh mạch bao gồm bắt đầu truyền tĩnh mạch và đặt ống thông tĩnh mạch qua kim			
	- Hoàn thành truy cập tĩnh mạch			
	- Tiêm trong da sẽ tạo ra các đường viền da đặc trưng tại các vị trí được chỉ định trên cánh tay trên			
	- Cơ Deltoid có thể thay thế để tiêm bắp			
	- Gập cổ tay giúp phát triển kỹ năng thao tác			
	- Da và tĩnh mạch hoàn toàn có thể thay thế được			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
9	Phế dung kế (Máy đo chức năng hô hấp)	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Máy chính: 01 cái			
	- Ống ngậm (dùng 1 lần): 01 cái			
	- Phần mềm kết nối: 01 bộ			
	- Dây USB: 01 cái			
	- Nguồn sạc: 01 cái			
	- HDSD: 01 bộ			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	Cài đặt thông tin bệnh nhân (Chiều cao, tuổi, giới tính,)			
	Hiển thị đồ thị lưu lượng thở, đồ thị thời gian			
	Dữ liệu có thể lưu trữ, xoá, cập nhật, xem trước			
	Hiển thị biểu đồ xu hướng			
	Chỉ dẫn trạng thái sức khoẻ			

	Chức năng hiệu chỉnh máy			
	Chức năng cảnh báo khi lưu lượng, tốc độ khí thở vượt quá ngưỡng			
	Thời gian xử lý sau khi thổi 6s			
	Bắt đầu đo chỉ bằng 1 phím bấm			
	Có thể chuyển dữ liệu bằng dây USB hoặc bluetooth			
	Đồng hồ thời gian thực có thể cài đặt và hiển thị			
	Hiển thị tình trạng pin			
	Tự động tắt nguồn sau 2 phút không sử dụng			
	Thông số kỹ thuật:			
	Tính năng có thể đo: Cường bức áp lực thở (FVC), cường bức áp lực thở giới hạn trong 1 giây (VEV1), tỷ lệ FEV1 và FVC (FWC1%), lưu lượng đỉnh thở (PEF), lưu lượng 25% của FVC (FEF25), lưu lượng 75% của các FVC (FEF75) và lưu lượng trung bình từ 25% đến 75% của FVC (FEF2575).			
	Màn hình màu 2,8'' LCD			
	Lưu lượng đo: 0~10L			
	Độ chính xác: $\pm 3\%$ hoặc 0,05L			
	Tốc độ khí thở: 0 L/s đến 16L/s			
	Độ chính xác: $\pm 5\%$ hoặc 0,2 L/s			
	Cường độ hoạt động: 200mA			
	Nguồn vào: Pin Lithium có thể sạc			
	Kích thước: 160 x 65 x 45 mm (L x W x H)			
	Cân nặng: 190g			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
10	Máy nhỏ giọt thức ăn vào dạ dày	Chiếc	1	
	Đặc tính sản phẩm:			
	- Màn hình đôi, cho hiển thị được tốc độ truyền là lưu lượng truyền cùng lúc			
	- Bảng phím bấm 1 chạm, giúp điều khiển đơn giản			
	- Công nghệ đếm giọt độc quyền			
	- Bộ nhớ được cải tiến, cho phép lưu lịch sử cho ăn của bệnh nhân			
	- Vận hành đơn giản chỉ với 3 bước thao tác			
	Tính năng kỹ thuật:			
	- Cơ chế bơm: Bơm nhu động xoay			
	- Tốc độ: 5-295mL/hr trong 1mL			
	- Giới hạn liều lượng: 1-2000ml trong 1ml			
	- Độ chính xác: $\pm 10\%$			
	- Áp lực gây nghẽn: 15 PSI			
	- Pin: 12V, 1.3AH axit chì niêm phong			
	- Tuổi thọ của Pin: Lên tới 6hr ở mức 125mL/hr			
	- Sạc: Liên tục khi cắm vào ổ AC			
	- Bộ nhớ: Lưu trữ dữ liệu mà không cần nguồn			
	Cấu hình tiêu chuẩn:			
	- 01 Máy chính Sentinel, 240 VAC (S-3000-IU)			

	- 01 bộ phụ kiện và hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
11	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	Cung cấp bao gồm			
	- Máy chính: 01 cái			
	- Bình hút dịch: 02 cái			
	- Bàn đạp chân: 01 cái			
	- Dây nguồn: 01 bộ			
	- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Khả năng hút và chân không tối đa được tích hợp trong vòng vài giây, bánh xe chống tĩnh điện có phanh. Hệ thống MPR (Multi Purpose Rail) nâng cao tính linh hoạt dễ dàng và nhanh chóng trao đổi các phụ kiện khác nhau mà không cần dụng cụ, kết nối, tất cả các phụ kiện có thể dễ dàng lắp đặt các vòng có đường kính khác nhau để vừa với các lọ khác nhau			
	- Mô tơ không dầu			
	- Nguồn: 230 VAC – 50- 60Hz			
	- Áp lực tối đa -0.90 bar -90 kPa -675 mmhg			
	- Tốc độ dòng khí: 90 l / phút			
	- Mức ồn: 46,4 dBA			
	Chu kỳ hoạt động không ngừng			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
12	Máy đo nồng độ bão hòa Oxy trong máu SpO2 cầm tay	Chiếc	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Máy chính: 01 cái.			
	- Cáp nối và đầu dò SPO2 người lớn: 01 cái			
	- Bộ sạc sạc pin: 01 cái			
	- Hướng dẫn sử dụng: 01 cái.			
	Tính năng kỹ thuật:			
	- Thời gian khởi động máy: Khoảng 1 giây.			
	- Hiệu suất cảm biến SPO2 chính xác ngay cả khi lượng máu lưu thông thấp hoặc có cử động của bệnh nhân.			
	- Hiện thị dữ liệu / hiển thị đồ thị nhịp SPO2			
	- Có chế độ chờ để tiết kiệm pin.			
	- Bộ nhớ bên trong để lưu trữ dữ liệu.			
	- Bảng lưu trữ thể hiện dữ liệu lưu trữ trong tuần.			
	- Có khe thẻ SD để dễ dàng nâng cấp phần mềm.			
	- Thời gian sử dụng > 5 giờ với Pin lithium-Ion. Pin sạc lại được nhiều lần.			
	- Thích hợp cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh.			
	Đặc điểm và hiệu suất:			
	- Độ phân giải: 480 x 272			
	- Theo dõi và hiển thị thông số SPO2 dạng nhịp sóng			

	- Dấu hiệu hiển thị: Đèn báo nguồn/ Tín hiệu xung/ Âm báo.		
	- Nguồn điện cung cấp: DC 5V, 2A.		
	- Pin: Pin Lithium 4400 mAh. ≥ 5 giờ làm việc liên tục.		
	- Hiển thị đồ thị / bộ nhớ trend: 168 giờ.		
	- Cảnh báo bằng âm thanh.		
	- Dải đo SPO2: 0 ~ 100%		
	- Độ chính xác độ bão hòa Oxy		
	+ Người lớn, trẻ em: ± 2% (70 ~ 100%)		
	+ Trẻ sơ sinh: ± 3% (70 ~ 100%)		
	- Chỉ số tưới máu: 0.005% - 20%.		
	- Dải đo nhịp tim: 25 ~ 250 nhịp/phút.		
	- Độ phân giải: 1 nhịp.		
	- Độ chính xác:		
	+ Người lớn, trẻ em: ± 3 nhịp		
	+ Trẻ sơ sinh: ± 5 nhịp		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
13	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Bình hút dịch: 02 cái		
	- Bàn đạp chân: 01 cái		
	- Dây nguồn: 01 bộ		
	- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Khả năng hút và chân không tối đa được tích hợp trong vòng vài giây, bánh xe chống tĩnh điện có phanh. Hệ thống MPR (Multi Purpose Rail) nâng cao tính linh hoạt dễ dàng và nhanh chóng trao đổi các phụ kiện khác nhau mà không cần dụng cụ, kết nối, tất cả các phụ kiện có thể dễ dàng lắp đặt các vòng có đường kính khác nhau để vừa với các lọ khác nhau		
	- Mô tơ không dầu		
	- Nguồn: 230 VAC – 50- 60Hz		
	- Áp lực tối đa -0.90 bar -90 kPa -675 mmhg		
	- Tốc độ dòng khí : 90 l / phút		
	- Mức ồn: 46,4 dBA		
	Chu kỳ hoạt động không ngừng		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
14	Máy khí rung	Chiếc	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Dây nguồn: 01 cái		
	Thông số kỹ thuật:		
	- Tốc độ phun khí: 0,4 ml/phút.		
	- Dung tích cốc thuốc: 7ml		

	- Kích thước hạt: 5 micron			
	- Kích thước máy: 158 (rộng) x 100 (cao) x 175 (dày) mm			
	- Trọng lượng: 1,9 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
15	Lồng áp sơ sinh	Chiếc	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Lồng áp chính và màn hình hiển thị màu 7 inch TFT LCD: 01 cái			
	- Giá đỡ và chân có bánh xe với khóa cố định: 01 cái.			
	- Bộ Cảm biến nhiệt độ và độ ẩm: 01 cái			
	- Cảm biến nhiệt độ da: 02 cái.			
	- Nệm: 01 cái			
	- Khay X-Ray: 01 cái.			
	- Tấm lọc không khí: 04 cái			
	Tính năng kỹ thuật:			
	- Tường đôi và cửa chắn không khí giúp duy trì nhiệt độ ổn định trong lồng giúp trẻ giữ được nhiệt độ ổn định.			
	- Bộ điều khiển sử dụng vi xử lý với cơ chế tự động điều chỉnh thông số theo các thông số cài đặt.			
	- Lồng áp được làm bằng vách kép 2 lớp, 2 mặt trước và sau có thể mở để dễ dàng thao tác.			
	- Có 6 cửa sổ để thao tác thăm khám chăm sóc trẻ. (04 cửa 2 bên và 02 cửa 2 đầu)			
	- Các nút điều khiển được hiển thị kèm mô tả rõ ràng. Chức năng tự động khóa phím điều khiển tránh tình trạng các thông số cài đặt của lồng áp bị thay đổi một cách vô ý.			
	- Có chức năng báo động bằng âm thanh và hình ảnh.			
	- Màn hình hiển thị: 7 inch, loại TFT LCD màu.			
	- Phạm vi điều khiển nhiệt độ không khí trong lồng áp ổn định trong khoảng 23,0°C ~ 37,0°C, ± 0,5°C. Có thể điều khiển vượt ngưỡng lên tới 37.1°C ~ 39 °C, ± 0,5°C			
	- Dải đo nhiệt độ không khí: 20,0 ~ 45,0°C ± 0,5°C			
	- Phạm vi kiểm soát nhiệt độ da qua cảm biến nhiệt độ da: 35,0°C ~ 37,5°C, ± 0,3°C. Có thể điều khiển nhiệt độ da vượt ngưỡng: 37.6°C ~ 39,0°C, ± 0,3°C .			
	- Dải đo nhiệt độ da: 20,0 ~ 45,0°C ± 0,3°C			
	- Phạm vi kiểm soát độ ẩm trong lồng áp: 30~95% RH, ±5%			
	- Hệ thống điều chỉnh: Hơi nước (sôi ở 100 °C)			
	- Thể tích khay chứa nước 1.000 ml			
	- Vận tốc không khí trên bề mặt nệm < 0.3 m/s			
	- Độ ồn < 45 dBA			
	- Bộ lọc không khí hoàn chỉnh với kích thước hạt lọc 0.3 micron. Hiệu quả lọc 99.8%			
	- Báo động âm thanh và hình ảnh: 27 kiểu khác nhau (các mức độ nhiệt độ, không khí...).			
	- Kích thước lồng áp tiêu chuẩn: 1024 x 690 x 1354mm			

	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
16	Máy thở trẻ em	Chiếc	1
	Thông số kỹ thuật:		
	Đặc tính nổi bật:		
	Là máy thở không xâm lấn đa năng 3in1, HFNC, BiPAP và CPAP		
	- Theo dõi SpO2, nhịp tim		
	- Tích hợp máy tạo khí bên trong.		
	- Màn hình cảm ứng 5 inch.		
	- Sử dụng cho bệnh nhân: Sơ sinh (mode HF), trẻ em, người lớn.		
	- Lưu lượng: 1-160L/phút		
	Cấu hình phần mềm tiêu chuẩn:		
	- HF (HFNC): High Flow		
	- CPAP: Continuous Positive Airway Pressure		
	- S/T (BiPAP): Spontaneous/Timed		
	Cấu hình phần cứng tiêu chuẩn:		
	- 01 thân máy chính HFT 500		
	- 01 dây cable SpO2		
	- 01 cảm biến SpO2		
	- 01 cảm nhiệt độ		
	- 01 cable nối dây bù nhiệt.		
	- 01 bộ kit dùng 1 lần (trẻ em hoặc người lớn)		
	- 01 dây Oxy áp lực cao		
	- 01 đầu nối nhanh Oxy		
	- 01 mast thở BiBPAP		
	- 01 xe đẩy chuyên dụng (việt nam)		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
17	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Bình hút dịch: 02 cái		
	- Bàn đạp chân: 01 cái		
	- Dây nguồn: 01 bộ		
	- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Khả năng hút và chân không tối đa được tích hợp trong vòng vài giây, bánh xe chống tĩnh điện có phanh. Hệ thống MPR (Multi Purpose Rail) nâng cao tính linh hoạt dễ dàng và nhanh chóng trao đổi các phụ kiện khác nhau mà không cần dụng cụ, kết nối, tất cả các phụ kiện có thể dễ dàng lắp đặt các vòng có đường kính khác nhau để vừa với các lọ khác nhau		
	- Mô tơ không dầu		
	- Nguồn: 230 VAC – 50- 60Hz		
	- Áp lực tối đa -0.90 bar -90 kPa -675 mmhg		
	- Tốc độ dòng khí : 90 l / phút		

	- Mức ồn: 46,4 dBA			
	Chu kỳ hoạt động không ngừng			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
18	Máy thử nước tiểu 10 thông số	Chiếc	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Máy chính: 01 cái			
	- Hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	- Que thử: 01 hộp			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Nguyên lý test: sử dụng nguồn sáng lạnh cao phản quang.			
	- Phương pháp đo: đo bằng 2 bước sóng, đo theo nguyên lý phản quang, bộ phận đo tiếp nhận tín hiệu phản quang đã bị hấp thụ một phần từ bề mặt các mảng đã chuyển màu trên que thử.			
	- Tự động chuẩn khi nguồn điện vào máy.			
	- Chu kỳ phản ứng 60 giây.			
	- Đo các thông số: Leukocyte/ Nitrite/ Urobilinogen/ Protein/ pH, Blood/Nitrite/Specific Gravity/ Ketone/Bilirubin/Glucose, Ascorbic Acid.			
	- Bộ nhớ 1000 kết quả.			
	- Bước sóng đo: 525 nm, 620 nm, 720 nm.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
19	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái.			
	- Kệ cứng: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 1 tài liệu			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Các giai đoạn thụ tinh của phôi, gấp 2 lần kích thước thật			
	- Mô hình minh họa dưới dạng giản đồ về sự trưởng thành của noãn, quá trình rụng trứng và thụ tinh xảy ra như thế nào và noãn đã thụ tinh phát triển đến giai đoạn nó tự gắn vào thành tử cung để bắt đầu phát triển thành phôi.			
	- Các giai đoạn khác nhau được thể hiện ở mô hình lớn hơn kích thước thật trong buồng trứng, ống dẫn trứng và tử cung.			
	Kích thước: 35 x 21 x 20 cm; 1,2 kg.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
20	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình khung chậu nữ với các cơ quan sinh dục, 3 phần			
	- Mô hình này đặc biệt phù hợp để nghiên cứu vị trí của cơ quan sinh dục nữ trong khung chậu.			

	- Mô hình bao gồm một xương chậu nữ với khớp dính di động, xương hông, xương cụt, xương cột, đốt sống thắt lưng thứ 4 và thứ 5, và bộ phận sinh dục với trực tràng.			
	- Bảng quang và một phần của tử cung với một ống dẫn trứng và buồng trứng có thể tháo rời.			
	- Các mô mềm được đúc từ nhựa vinyl bền, mềm.			
	- Mô hình đặt trên kệ cứng.			
	- Kích thước: 33 x 26 x 18 cm			
	- Trọng lượng: 2 kg.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
21	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Ván chân tường: 01 cái			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình giải phẫu xương chậu nam được thể hiện qua mặt cắt giữa.			
	- Một nửa của cơ quan sinh dục nam với bảng quang, thể hiện ở vị trí bình thường trong xương chậu nam.			
	- Trực tràng có thể tháo rời để nghiên cứu chi tiết hơn về giải phẫu vùng chậu nam.			
	- Kích thước: 41 x 31 x 17 cm			
	- Trọng lượng: 2,5 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
22	Mô hình khung chậu nữ	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình xương chậu nữ giới với xương, dây chằng, mạch máu, dây thần kinh, cơ khung xương chậu và bộ phận sinh dục nữ kích thước thật.			
	- Các phần có thể tháo rời tách thành 2 nửa: trực tràng, tử cung với ống dẫn trứng, buồng trứng, âm đạo.			
	- Sàn khung chậu bao gồm cơ thắt hậu môn ngoài có thể tháo rời, cơ thắt niệu đạo ngoài, cơ ngang đáy chậu nông, sâu và cơ hành xóp.			
	- Khung chậu có thể tháo rời qua mặt cắt giữa (đốt sống thắt lưng thứ 5, xương cụt và xương cột) để lộ ra phần đuôi ngựa ở ống tủy sống.			
	- Kết nối từ tính để mô phỏng nhanh.			
	- Kích thước: 19 x 27 x 19 cm			
	- Trọng lượng: 1,6 kg.			

	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
23	Mô hình phát triển của trứng và bào thai	Bộ	1
	Thông số kỹ thuật:		
	* Cấu hình bao gồm:		
	- Mô hình chính: 01 bộ		
	- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng		
	* Đặc tính kỹ thuật:		
	- Mô hình đại diện cho sự phát triển của các tế bào mầm của người từ khi thụ tinh cho đến cuối tháng thứ 2 của thai kỳ trong 12 giai đoạn. Mỗi giai đoạn có thể được tháo khỏi kệ đỡ chung:		
	- Noãn tại thời điểm thụ tinh (thụ thai) với giao tử đực (tinh trùng)		
	- Hợp tử ở giai đoạn 2 tế bào, khoảng 30 giờ sau khi thụ tinh		
	- Hợp tử ở giai đoạn 4 tế bào, sau khoảng 40-50 giờ		
	- Hợp tử ở giai đoạn 8 tế bào, sau khoảng 55 giờ		
	- Phôi dâu		
	- Túi phôi sau khoảng 4 ngày		
	- Túi phôi sau khoảng 5 ngày		
	- Túi phôi sau khoảng 8-9 ngày		
	- Tế bào mầm ở khoảng ngày thứ 11		
	- Tế bào mầm ở khoảng ngày thứ 20		
	- Phôi vào khoảng cuối tháng thứ nhất của thai kỳ		
	- Phôi vào khoảng cuối tháng thứ 2 của thai kỳ		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
24	Mô hình phôi thai từ tháng 1 đến tháng thứ 9	Bộ	1
	Thông số kỹ thuật:		
	* Cấu hình bao gồm:		
	- Mô hình chính: 01 bộ		
	* Đặc tính kỹ thuật:		
	1018627:		
	Bao gồm 8 mô hình để hiển thị các giai đoạn phát triển hoàn chỉnh. Tất cả các mô hình được gắn riêng trên một giá đỡ.		
	Phôi tháng đầu tiên		
	Phôi tháng thứ 2		
	Phôi tháng thứ 3		
	Thai nhi tháng thứ 4 (Ngôi ngang)		
	Thai nhi tháng thứ 5 (Ngôi mông)		
	Thai nhi tháng thứ 5 (Ngôi ngang)		
	Thai nhi đôi tháng thứ 5 (Vị trí bình thường)		
	Thai nhi tháng thứ 7		
	Chân đế và tử cung tách rời nhau và có thể tháo rời. Ngoài ra, 4 bào thai lớn nhất có thể được lấy ra khỏi tử cung.		
	1000333:		

	Mô hình giải phẫu này là một đại diện của mặt cắt giữa qua khung xương chậu nữ khi mang thai 40 tuần với một thai nhi có thể tháo rời.			
	Nghiên cứu hoặc chứng minh vị trí bình thường của em bé trước khi sinh với mô hình này cộng với hệ thống sinh sản và tiết niệu.			
	Tử cung với phôi thai vào tháng thứ 3 của thai kỳ được gắn trên kệ cứng.			
	Xương chậu nữ thực tế và chất lượng cao bao gồm các cơ quan sinh dục nữ và các chi tiết giải phẫu quan trọng khác.			
	- Kích thước: 38 x 25 x 40 cm			
	- Trọng lượng: 3,8 kg.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
25	Mô hình thai nhi đủ tháng	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình này mô phỏng một thai nhi đủ tháng trung bình. Bào thai người làm bằng vải mềm và bền. Cơ thể của mô hình bào thai linh hoạt để hiển thị tất cả các bài thuyết trình và vị trí có thể có trong quá trình sinh nở của con người.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
26	Máy điện châm	Chiếc	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Máy chính: 01 bộ			
	- Cáp điện cực: 08 cái			
	- Tài liệu HDSĐ: 01 bộ			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Sử dụng đồng thời với các tần số độc lập của mỗi kênh			
	- Hoạt động dễ dàng với cảm ứng trên bảng điều khiển			
	- Các bản từ số sắp xếp theo hàng			
	- Chức năng an toàn (Zero Start)			
	Thông số kỹ thuật:			
	- Nguồn điện: AC 220V 50 / 60Hz			
	- Công suất tiêu thụ: 40VA			
	- Nguồn điện đầu ra tối đa: Cao 60Vp-p, thấp 35Vp-p (Tải 500Ω)			
	- Tần số đầu ra: 1 ~ 150Hz			
	- Thời gian điều trị: 5, 10, 15, 20, 30 phút			
	- Kích thước: 350 (W) x240 (D) X210 (H) mm			
	- Trọng lượng: 2.6kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
27	Máy xoa bóp	Chiếc	1	
	Cấu hình bao gồm:			

	- Máy chính: 01 cái			
	- Ống kết nối: 01 cái			
	- Bao chân: 02 cái			
	- Điều khiển từ xa: 01 cái			
	- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 bộ			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Số khoang hơi: 4			
	- Áp lực nén: 30-220 mmHg			
	- Có thể lựa chọn cài đặt áp lực trên mỗi kênh mỗi 5mmHg			
	- Màn hình hiển thị: LCD			
	- Chế độ nén: 3 chế độ mặc định, tự cài đặt			
	- Bơm có độ ồn thấp			
	- Cung cấp kèm điều khiển từ xa			
	- Thời gian điều trị: từ 5-95 phút			
	- Nguồn cấp: 230/50Hz/30W			
	- Kích thước sản phẩm: 190x230x130mm			
	- Trọng lượng: 2,3kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
28	Máy kéo cột sống	Chiếc	1	
	Cấu hình thiết bị:			
	- Máy chính: 01 Chiếc			
	- Dây nguồn: 01 Cái			
	- Thiết bị dừng khẩn cấp: 01 Cái			
	- Thanh đỡ điều chỉnh góc kéo: 01 Cái			
	- Dây đai vùng ngực: 01 Cái			
	- Dây đai vùng lưng: 01 Cái			
	- Dây đai kéo cổ: 01 Cái			
	- Bàn kéo nâng hạ bằng điện 4 khúc: 01 Cái			
	- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 Bộ			
	Thông số kỹ thuật:			
	- Lực kéo: tối đa 91 kg, tối thiểu 2 kg			
	- Hiển thị lực kéo thực tế bằng đơn vị tính: kg/lb			
	- Thời gian giữ và nghỉ có thể thiết lập từ: 0 - 99 giây			
	- Có âm thanh cảnh báo khi lực kéo thực tế vượt quá lực cài đặt			
	- Có thể điều khiển âm lượng cảnh báo: Im lặng/ Trung Bình / Cao			
	- Màn hình hiển thị: Lực kéo thực tế/ lực kéo cài đặt sẵn - hiển thị quá trình thay đổi lực kéo			
	- Chương trình kéo: Liên tục, ngắt quãng và hỗn hợp			
	- Thời gian kéo: 1 - 99 phút ($\pm 2\%$)			
	Thông số giường kéo			
	- Chiều dài phần chân: 740mm			
	- Chiều dài phần đỡ lưng, hông: 310mmx 2			
	- Chiều dài phần đầu: 410mm			
	- Chiều dài giường: 1840mm			

	- Góc nâng phân thất lưng: 0 độ-26độ			
	- Chiều rộng giường: 700mm			
	- Hạ tối thiểu: 470mm			
	- Nâng cao tối đa: 910mm			
	- Nâng hạ đầu: - 20 độ đến 80 độ			
	- Nâng chân: 87 độ			
	- Góc xoay ngang: 60° -0 -60°			
	- Tải trọng tối đa: 225kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
29	Máy điện phân	Chiếc	1	
	Máy chính kèm phụ kiện: 01 bộ, bao gồm:			
	- Cáp nguồn: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ			
	- Điện cực 5 x 5 cm: 04 cái			
	- Điện cực 6 x 8,5 cm: 04 cái			
	- Đệm điện cực 6 x7 cm: 04 cái			
	- Đệm điện cực 8 x 10 cm: 04 cái			
	- Đai thắt điện cực 100 x5 cm: 02 cái			
	- Đai thắt điện cực 60 x 5 cm: 02 cái			
	- Thẻ thông minh: 01 cái			
	- Cáp điều trị: 01 cái			
	- Xe đẩy máy: 01 cái (Mua tại Việt Nam)			
	Thông số kỹ thuật:			
	Thiết bị với 2 kênh đầu ra, với các dạng sóng có tần số thấp và trung bình			
	- 24 dạng sóng (tần số thấp và trung bình)			
	- Có thể kết nối với thiết bị siêu âm trị liệu để sử dụng kết hợp			
	- Màn hình màu với chức năng cảm ứng và cuộn			
	- Đồ thị I/T			
	Có thể kết nối với thiết bị giác hút chân không để sử dụng kết hợp			
	- Kiểm tra điện cực			
	- Tạo ra các chuỗi điều trị khác nhau có dạng sóng khác nhau			
	- Bao gồm thẻ thông minh			
	Thông số kỹ thuật			
	Nguồn điện sử dụng: 230 Vac, 50-60Hz, ± 10%			
	- Công suất: 75 VA			
	- Màn hình hiển thị LCD: 6” màu, cảm ứng và mã hóa			
	- Lập trình thời gian điều trị: Lên đến 60 phút			
	- Thiết bị phù hợp với chuẩn EU: II B			
	- Theo dõi cơ: Đồ thị I/t, ngưỡng dòng điện (rheobase)/thời trị (chronaxy)			
	- Kênh đầu ra: 02 kênh độc lập			
	Tần số phát: Tất cả các dòng điện có tần số thấp và trung bình			
	Công suất dòng đỉnh (Kháng tải 1Kohm)			

	+ Dòng xung: 100 mA			
	+ Dòng Diadynamic: 70 mA			
	+ Dòng Continuous current: 50 mA			
	Điện áp đỉnh (Kháng tải 1Kohm):			
	+ Dòng xung 100 V			
	+ Dòng Diadynamic: 70 V			
	+ Dòng Continuous current 50 V			
	Các giao thức cài đặt sẵn: có sẵn			
	Trình tự có thể lưu trữ của các đường cong I/t: khả dụng			
	- Giá trị reobase / cronaxya có thể lưu trữ: khả dụng			
	- Trình tự có thể lưu trữ của các dạng sóng khác nhau: khả dụng			
	Kích thước ngoài (rộng x cao x sâu): 39 x30x14 cm			
	Điều kiện môi trường:			
	Hoạt động:			
	+ Nhiệt độ phòng: (+10 ÷ +40) °C			
	+ Độ ẩm tương đối: (10 ÷ 80) % không ngưng tụ			
	Bảo quản/Vận chuyển:			
	+ Nhiệt độ phòng: (-40 ÷ +70) °C			
	+ Độ ẩm tương đối: (10 ÷ 100) % không ngưng tụ			
	+ Áp suất không khí: (500 ÷ 1060) hPa			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
30	Bàn vận động	Chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	Cấu hình thiết bị:			
	- Bàn tập 7 khúc nâng hạ điện: 01 cái			
	- Phụ kiện lắp đặt: 01 bộ			
	- HDSĐ Anh/Việt: 01 bộ			
	Thông số kỹ thuật:			
	- Chiều cao tối thiểu: 560 mm			
	- Chiều cao tối đa: 990 mm			
	- Chiều rộng đệm: 700 mm			
	- Chiều dài phần đầu: 390 mm			
	- Chiều dài phần giữa: 640 mm			
	- Chiều dài phần chân: 840 mm			
	- Tổng chiều dài: 1940 mm			
	- Góc nghiêng phần đầu: 60°, 25° đến - 35°			
	- Góc nghiêng phần giữa: 0° - 15°			
	- Góc nghiêng phần chân: 0° - 87°			
	- Điều chỉnh nâng hạ chiều cao bằng điện			
	- Lỗ thờ: Có			
	- Tải trọng tối đa: 225 Kg			
	- Hệ thống điều khiển bằng 3 motor			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
31	Tượng các huyết	Chiếc	1	

	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình châm cứu mới thiết lập tiêu chuẩn về khoa học và thẩm mỹ và đã được phát triển với sự hợp tác của các chuyên gia châm cứu giàu kinh nghiệm của Châu Âu.			
	- Cao khoảng 71 cm (bao gồm cả đế) và chứa 396 huyệt. Tất cả các đường dẫn được tô màu theo 5 giai đoạn.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
32	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu	BỘ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ đỡ mô hình: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình mô tả cả các cơ nông và cơ sâu chi tiết.			
	- Hai cơ chính, cơ delta và cơ mông to có thể dễ dàng tháo rời để nghiên cứu sâu hơn.			
	- Có thể nghiên cứu các đốt sống, tủy sống, thần kinh cột sống và động mạch cột sống, thay đổi bộ phận sinh dục nam và nữ và khám phá cấu trúc bên trong của não.			
	- Những bộ phận sau đây có thể tháo rời:			
	+ Đầu 6 phần			
	+ Ngực, thành bụng với các cơ			
	+ Đốt sống ngực thứ 7			
	+ Tuyến vú nữ			
	+ Cơ mông to và cơ delta			
	+ 2 phổi			
	+ Tim 2 phần			
	+ Dạ dày 2 phần			
	+ Gan với túi mật			
	+ Ruột 4 phần			
	+ Nửa trước của thận			
	+ Bộ phận sinh dục nữ 3 phần với thai nhi			
	+ Bộ phận sinh dục nam 4 phần			
	- Kích thước: 87 x 38 x 25 cm			
	- Trọng lượng: 8,5kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
33	Mô hình giải phẫu toàn thân	BỘ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- 01 tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình lưỡng tính kích thước thật, 39 phần			

	- Mô hình lưỡng tính kích thước thật giúp tìm hiểu về giải phẫu người.			
	- Một nửa mô hình để lộ cơ bắp, nửa còn lại cho thấy da với hiệu ứng chân thực.			
	- Mô hình có thể được tháo rời dễ dàng để hiển thị chi tiết các cấu trúc và cơ quan bên trong			
	- 39 phần có thể tháo rời gồm:			
	+ Đầu 2 phần			
	+ Một nửa não			
	+ Cơ ức đòn chũm			
	+ Cơ delta			
	+ Cơ hai đầu cánh tay			
	+ Cơ ba đầu cánh tay			
	+ Cơ gan bàn tay với cơ gấp cổ tay quay			
	+ Cơ cánh tay-trâm-quay với cơ duỗi cổ tay			
	+ Da cánh tay trái			
	+ Cơ bắp chân, phần trên			
	+ Cơ bắp chân, phần dưới			
	+ Da chân trái			
	+ Thành bụng			
	+ Tuyến vú			
	+ 2 phổi có thể tháo rời			
	+ Tim 2 phần có thể tháo rời			
	+ Gan có thể tháo rời			
	+ Dạ dày 2 phần có thể tháo rời			
	+ Nửa quả thận có thể tháo rời			
	+ Bộ ruột 4 phần có thể tháo rời			
	+ Bộ phận sinh dục nữ 3 phần với phối			
	+ Bộ phận sinh dục nam 4 phần			
	+ Cơ may			
	+ Cơ hông to			
	+ Cơ thẳng trước của đùi			
	+ Cơ sinh đôi căng chân			
	+ Cơ hai đầu đùi với cơ bán gân			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
34	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ đỡ mô hình: 01 cái			
	- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình cơ kích thước thật, 6 phần			
	- Các phần có thể tháo lắp bao gồm:			
	+ Cơ delta			

	+ Cơ hai đầu cánh tay			
	+ Cơ ba đầu cánh tay			
	+ Cơ dài bàn tay và cơ gấp quay cổ tay			
	+ Cơ cánh tay trâm – quay và cơ duỗi cổ tay			
	- Kích thước: 70 cm. Trọng lượng: 3 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
35	Mô hình tim	Chiếc	3	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Đế rời: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình tim kích thước gấp 2 lần cho phép xác định tất cả các cấu trúc và là một công cụ hỗ trợ hoàn hảo cho các bài học trong lớp lớn hoặc giảng đường.			
	- Giải phẫu tim chi tiết với tâm thất, tâm nhĩ, van, tĩnh mạch và động mạch chủ.			
	- Thành tim trước có thể tháo rời để lộ các buồng và van bên trong.			
	- Kích thước: 32 x 18 x 18 cm			
	- Trọng lượng: 1,3 kg			
	Mô hình thể hiện:			
	A. Đỉnh tim			
	B. Phần cơ của vách liên thất			
	I. Tâm nhĩ phải			
	Ia. Tiểu nhĩ phải			
	II. Tâm nhĩ trái			
	IIb. Tiểu nhĩ trái			
	III. Tâm thất phải			
	IV. Tâm thất trái			
	1. Tĩnh mạch chủ trên			
	1a. Tĩnh mạch cánh tay đầu trái			
	2. Tĩnh mạch chủ dưới			
	3. Van ba lá (Van tâm nhĩ-thất phải)			
	3a. Cơ nhú			
	3b. Van phổi			
	4. Thân động mạch phổi			
	4a. Động mạch phổi trái			
	4b. Động mạch phổi phải			
	5. Tĩnh mạch phổi			
	6. Van hai lá			
	6c. Cơ nhú			
	6d. Van động mạch chủ			
	7. Động mạch chủ lên			

	7a. Cung động mạch chủ			
	7b. Thân động mạch cánh tay đầu			
	7c. Động mạch cảnh chung trái			
	7d. Động mạch dưới đòn trái			
	8. Động mạch vành phải			
	8a. Nhánh gian tâm thất sau của động mạch vành phải			
	8b. Nhánh sau bên phải của động mạch vành phải			
	9a. Nhánh gian tâm thất trước của động mạch vành trái			
	9b. Nhánh mũ của động mạch vành trái			
	9c. Nhánh bên của động mạch vành trái			
	10. Xoang vành			
	10a. Tĩnh mạch tim lớn			
	10b. Tĩnh mạch tim nhỏ			
	10c. Tĩnh mạch tim giữa			
	10d. Tĩnh mạch sau của tâm thất trái			
	11. Rãnh vành			
	12. Rãnh gian tâm thất trước			
	13. Rãnh gian tâm thất sau			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
36	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái.			
	- Kệ cứng: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 1 tài liệu			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Các giai đoạn thụ tinh của phôi, gấp 2 lần kích thước thật			
	- Mô hình minh họa dưới dạng giản đồ về sự trưởng thành của noãn, quá trình rụng trứng và thụ tinh xảy ra như thế nào và noãn đã thụ tinh phát triển đến giai đoạn nó tự gắn vào thành tử cung để bắt đầu phát triển thành phôi.			
	- Các giai đoạn khác nhau được thể hiện ở mô hình lớn hơn kích thước thật trong buồng trứng, ống dẫn trứng và tử cung.			
	- Kích thước: 35 x 21 x 20 cm. Trọng lượng: 1,2 kg.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
37	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	3	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình giải phẫu đầu và cổ, 5 phần			
	- Da và cơ mặt của nửa bên phải được tháo ra để hiển thị các cấu trúc sâu hơn.			
	- Nhãn cầu, xương bao phủ trên các xoang hàm trên và một nửa lưỡi phải có thể tháo rời để nghiên cứu chi tiết.			
	- Các bộ phận được phân biệt bởi màu sắc.			

	- Kích thước: 38 x 36 x 25 cm. Trọng lượng: 3 kg.		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
38	Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp	Bộ	3
	Cấu hình bao gồm:		
	- Mô hình chính: 01 bộ		
	- Kệ cứng: 01 bộ		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
	Thông số kỹ thuật:		
	1000015		
	Mô hình dùng để giảng dạy cấu tạo hệ cơ cánh tay.		
	Mô hình gồm 6 phần.		
	Mô hình cơ cánh tay $\frac{3}{4}$ kích thước thật.		
	Các phần cơ có thể tháo lắp.		
	Có các dây chằng, dây thần kinh, mạch máu và các phần xương của cánh tay trái và bả vai.		
	Trên 70 phần được đánh số để nhận diện trong hướng dẫn sử dụng.		
	Mô hình được đặt trên kệ cứng.		
	1000351		
	Cấu hình bao gồm:		
	- Mô hình chính: 01 cái		
	- Kệ đỡ mô hình: 01 cái		
	- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Mô hình cơ $\frac{3}{4}$ kích thước thật 9 phần		
	- Mô hình cơ chân thể hiện cơ nông và cơ sâu với 8 phần có thể tháo rời		
	- Dây chằng, mạch máu, các dây thần kinh, các thành phần xương chân trái và bàn chân đều được thể hiện chi tiết.		
	- Tất cả các phần đều được đánh số.		
	- Kích thước: 77 x 26 x 26 cm. Trọng lượng: 4 kg		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
39	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Bộ	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Tranh: 01 cái		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Tranh giải phẫu này cho thấy mô phối của máu một cách chi tiết đầy màu sắc.		
	- Không chỉ minh họa các loại tế bào máu khác nhau mà một số bệnh về máu cũng được thảo luận.		
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).		
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.		
	- Kích thước: 50 x 67 cm.		

	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
40	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Tranh: 01 cái		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Tranh giải phẫu này mô tả giải phẫu và bệnh lý của bàn tay và cổ tay với màu sắc tươi sáng.		
	- Tranh thể hiện chi tiết giải phẫu cổ tay trong khi xem xét các bệnh lý phổ biến có thể ảnh hưởng đến khu vực này.		
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).		
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.		
	- Kích thước: 50 x 67 cm.		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
41	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Tranh: 01 cái		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Tranh minh họa giải phẫu của bàn chân và các khớp của bàn chân.		
	- Thể hiện chi tiết một số bệnh lý thường gặp của bàn chân và khớp bàn chân.		
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).		
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.		
	- Kích thước: 50 x 67 cm.		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
42	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Bộ	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Tranh: 01 cái		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Tranh minh họa chi tiết về hệ thống cơ của con người.		
	- Mỗi bộ phận của hệ thống cơ của cơ thể con người đều được thể hiện trên tranh.		
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).		
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.		
	- Kích thước: 50 x 67 cm.		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
43	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Bộ	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Tranh: 01 cái		

	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Giải phẫu và sinh lý của tim người được mô tả đầy màu sắc và chính xác.		
	- Trợ giúp giảng dạy cho các bài học về tim người và hệ tuần hoàn của người.		
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).		
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.		
	- Kích thước: 50 x 67 cm.		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
44	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Bộ	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Tranh: 01 cái		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Tranh giải phẫu đầy màu sắc này mô tả chi tiết hệ thống hô hấp của con người.		
	- Mọi phần quan trọng của giải phẫu hô hấp đều được minh họa và dán nhãn bao gồm cơ hô hấp, cây phế quản và phổi.		
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).		
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.		
	- Kích thước: 50 x 67 cm.		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
45	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Bộ	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Tranh: 01 cái		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Giải phẫu sinh lý của đường tiết niệu của con người được minh họa trên tranh giải phẫu đầy màu sắc này.		
	- Mô phổi của tiểu thể thận, vỏ và tủy được bao gồm trong tranh.		
	- Tranh giải phẫu bao gồm các thông tin hữu ích khác về hệ thống đường tiết niệu		
	- Tranh được in trên giấy chống tia UV (200 g) bóng cao cấp và được cán 2 mặt (75 micron).		
	- Kích thước: 50 x 67 cm		
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
46	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Bộ	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Tranh: 01 cái		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Tranh giải phẫu hệ thống thần kinh của con người chi tiết đầy.		

	- Tranh mô tả chi tiết toàn bộ hệ thống thần kinh của con người bao gồm não người và tủy sống.			
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).			
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.			
	- Kích thước: 50 x 67 cm			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
47	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Tranh: 01 cái			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Tranh minh họa đầy đủ chi tiết về tuyến tiền liệt của con người.			
	- Hình minh họa giải phẫu chi tiết kèm theo thông tin quan trọng liên quan đến tuyến tiền liệt bao gồm ảnh hưởng của các hormone và hình dạng và vị trí của tuyến.			
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).			
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.			
	- Kích thước: 50 x 67 cm.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
48	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Tranh: 01 cái			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Tranh giải phẫu đầy màu sắc này trình bày chi tiết về giải phẫu của các cơ quan sinh dục nữ.			
	- Các cấu trúc giải phẫu quan trọng được vẽ và dán nhãn trên biểu đồ này.			
	- Buồng trứng và các khu vực khác của cơ quan sinh dục nữ cũng được hiển thị.			
	- Một số phương pháp tránh thai cũng được trình bày chi tiết trên tranh.			
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).			
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.			
	- Kích thước: 50 x 67 cm.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
49	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Tranh: 01 cái			
	Đặc tính kỹ thuật:			

	- Tranh giải phẫu thể hiện giải phẫu của răng người một cách chi tiết.			
	- Ngoài giải phẫu của răng, tranh cũng thể hiện thông tin về một số bệnh răng miệng phổ biến.			
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).			
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.			
	- Kích thước: 50 x 67 cm.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
50	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Tranh: 01 cái			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Tranh thể hiện chi tiết giải phẫu của da.			
	- Giải phẫu của da người, bao gồm tất cả các lớp da, cũng như một số bệnh lý da phổ biến được hiển thị.			
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).			
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.			
	- Kích thước: 50 x 67 cm.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
51	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Tranh: 01 cái			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Tranh thể hiện giải phẫu và chức năng của mắt người.			
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).			
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.			
	- Kích thước: 50 x 67 cm.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
52	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Tranh: 01 cái			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	- Tranh mô tả chi tiết về giải phẫu của tai trong, tai ngoài và tai giữa.			
	- Tranh in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).			
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian.			
	- Kích thước: 50 x 67 cm.			

	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
53	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Bộ	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Tranh: 01 cái			
	Đặc tính kỹ thuật :			
	- Tranh giải phẫu đầy màu sắc cung cấp thông tin về Viêm mũi và Viêm xoang.			
	- Nguyên nhân, hậu quả và giải phẫu của bệnh viêm mũi và viêm xoang được đề cập.			
	- Tranh được in trên giấy bóng chống UV cao cấp (200 g) và cán 2 mặt (75 micron).			
	- Cán màng 75 micron đảm bảo tranh không bị cong ở các cạnh và xử lý UV đảm bảo tranh không bị phai màu theo thời gian			
	- Kích thước: 50 x 67 cm.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
54	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 bộ			
	- Hộp đựng: 01 chiếc			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Bao gồm một tay và chân trên dây, một tay và chân khớp lỏng lẻo.			
	- Các xương khác có kích thước thật và tách rời nhau. Vòm sọ của hộp sọ được tách ra để xem gần và hàm có khớp.			
	- Sụn trong xương ức được gắn vào. Cột sống được xâu lại với nhau bằng dây nylon mỏng và bao gồm tổng cộng 53 mảnh.			
	- Kích thước: 48,5 x 27 x 42,5 cm			
	- Trọng lượng: 4,8 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
55	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Nửa đầu với cơ			
	- Mô hình chất lượng cao đại diện cho các cấu trúc bên ngoài, bề ngoài và bên trong (phần giữa) của đầu và cổ. Nửa đầu có cơ được đặt trên giá đỡ có thể tháo rời để dễ dàng trưng bày trong lớp học hoặc văn phòng bác sĩ. Trình bày các cấu trúc giải phẫu quan trọng.			
	- Kích thước: 22x18x46 cm			
	- Trọng lượng: 1,1kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
56	Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ	Chiếc	1	

	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Ván chân tường: 01 cái			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình khung chậu nữ kích thước thật, gồm 2 phần			
	- Khung chậu được thể hiện qua mặt cắt giữa			
	- Một nửa bộ phận sinh dục nữ với bàng quang và trực tràng có thể tháo rời.			
	- Kích thước: 41 x 31 x 20 cm			
	- Trọng lượng: 2,2 kg.			
	* Mô hình thể hiện:			
	1. Đĩa đệm cột sống			
	2. Đốt sống thắt lưng			
	3. Tủy sống			
	4. Mỏm gai			
	5. Động mạch chậu trong			
	6. Đại tràng sigma			
	7. Khoang tử cung			
	8. Phần trên âm đạo của cổ tử cung			
	9. Nếp ngang trực tràng			
	10. Xương cụt			
	11. Lỗ tử cung			
	12. Túi trực tràng			
	13. Dây chằng hậu môn xương cụt			
	14. Cơ thắt hậu môn ngoài			
	15. Cơ thắt hậu môn trong			
	16. Âm đạo			
	17. Môi âm hộ bé			
	18. Môi âm hộ lớn			
	19. Thê hang của âm vật			
	20. Niệu đạo nữ			
	21. Khớp mu			
	22. Bàng quang			
	23. Đáy tử cung			
	24. Tĩnh mạch chậu ngoài			
	25. Động mạch chậu ngoài			
	26. Tĩnh mạch buồng trứng			
	27. Động mạch buồng trứng			
	28. Động mạch mạc treo tràng dưới			
	29. Động mạch thận			
	30. Động mạch chủ bụng			
	31. Tĩnh mạch chủ dưới			
	32. Đỉnh xương chậu			

	33. Buồng trứng			
	34. Bề mặt ruột của tử cung			
	35. Niệu quản trái			
	36. Âm đạo			
	37. Cơ thắt hậu môn ngoài			
	38. TUYẾN TIỀN ĐÌNH LỚN (BARTHOLINI)			
	39. Tiền đình âm đạo			
	40. Âm vật			
	41. Xương mu			
	42. Bàn quang			
	43. Dây chằng tròn tử cung			
	44. Tĩnh mạch chậu ngoài			
	45. Động mạch chậu ngoài			
	46. Màng bụng tạng			
	47. Niệu quản phải			
	48. Cơ thẳng bụng			
	49. Kênh buồng trứng (ống tử cung)			
	50. Tử cung			
	51. Nang ống dẫn trứng			
	52. Dây chằng buồng trứng			
	53. Dây chằng tròn tử cung			
	54. Cơ thẳng bụng			
	55. Niệu quản			
	56. Cơ chéo ngoài			
	57. Cơ chéo trong			
	58. Cơ bụng ngang			
	59. Bể thận			
	60. Vỏ thận			
	61. Cơ lưng to			
	62. Cơ vuông thắt lưng			
	63. Cơ thắt lưng to			
	64. Các cơ dựng gai			
	65. Cơ thắt lưng bé			
	66. Dây chằng buồng trứng			
	67. Buồng trứng			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
57	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ đỡ mô hình: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình thể hiện mặt cắt giữa và mặt cắt phía trước của đầu.			

	- Mô hình thể hiện tất cả các cấu trúc giải phẫu quan trọng của đầu một cách chi tiết.			
	- Bao gồm các mặt cắt ngang của não, tủy sống và các xoang.			
	- Kích thước: 41 x 31 x 5 cm			
	- Trọng lượng: 0,45 kg.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
58	Mô hình cắt ngang tủy sống	Chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ đỡ mô hình: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình tủy sống, 5 lần kích thước thật.			
	- Mô hình mô phỏng thành phần tủy sống với các mút dây thần kinh.			
	- Dễ dàng nghiên cứu, mô hình phóng đại 5 lần kích thước thật.			
	- Mô hình tủy sống được cấu tạo bởi một kênh trung tâm, bao quanh là chất xám và một lớp ngoài chất trắng.			
	- Kệ có hình minh họa các mặt cắt của tủy sống qua chất xám và chất trắng vùng cổ, thân, thắt lưng và vùng xương cụt.			
	- Kích thước: 26 x 19 x 13 cm			
	- Trọng lượng: 0,4 kg.			
	* Mô hình thể hiện:			
	1. Rễ con			
	2. Rễ sau			
	3. Hạch tủy sống			
	4. Thân thần kinh tủy sống			
	5. Nhánh sau			
	6. Nhánh trước			
	7. Nối nhánh			
	8. Nhánh màng não			
	9. Rễ trước			
	10. Dây chằng răng cưa			
	11. Màng cứng cột sống			
	12. Màng nhện cột sống			
	13. Khoảng dưới nhện			
	14. Màng mềm cột sống			
	15. Động mạch cột sống trước			
	16. Tĩnh mạch cột sống trước			
	17. Chất xám			
	18. Chất trắng			
	19. Sừng sau			
	20. Sừng trước			

	21. Mép xám			
	22. Rãnh sau bên			
	23. Rãnh trung gian sau			
	24. Rãnh giữa sau			
	25. Khe nứt giữa trước			
	26. Mép trắng			
	27. Kênh giữa			
	28. Rãnh trước bên			
	29. Vách ngăn giữa sau			
	31. Vùng ngực			
	32. Sừng bên			
	33. Vùng thất lưng			
	34. Vùng xương cùg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
59	Mô hình cơ cánh tay	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	- Mô hình dùng để giảng dạy cấu tạo hệ cơ cánh tay.			
	- Mô hình gồm 6 phần.			
	- Mô hình cơ cánh tay $\frac{3}{4}$ kích thước thật.			
	- Các phần cơ có thể tháo lắp.			
	- Có các dây chằng, dây thần kinh, mạch máu và các phần xương của cánh tay trái và bả vai.			
	- Trên 70 phần được đánh số để nhận diện trong hướng dẫn sử dụng.			
	- Mô hình được đặt trên kệ cứng.			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ cứng: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ			
	* Mô hình thể hiện:			
	1/ Xương đòn			
	2/ Acromion (xương cùg vai)			
	3/ Gai xương			
	4/ Xương cánh tay			
	Các cơ			
	5/ Cơ dưới vai			
	6/ Cơ trên gai			
	7/ Cơ dưới gai			
	8/ Cơ tròn bé			
	9/ Cơ tròn to			
	10/ Cơ delta			
	11/ Cơ bắp tay trước			
	12/ Đầu dài của cơ bắp tay trước			
	13/ Đầu ngắn (giữa) của bắp tay trước			

14/ Cơ cánh tay			
15/ Cơ quạ cánh tay			
16/ Đầu bên của cơ tam đầu cánh tay			
17/ Đầu dài của cơ tam đầu cánh tay			
18/ Đầu giữa của cơ tam đầu cánh tay			
19/ Cơ ngửa dài			
20/ Cơ duỗi cổ tay quay dài			
21/ Cơ duỗi cổ tay - quay ngắn.			
22/ Cơ sấp tròn			
23/ Cơ gấp cổ tay quay			
24/ Cơ gan tay			
25/ Cơ gấp cổ tay trụ			
26/ Cơ gấp nông các ngón tay			
27/ Cơ gấp chung sâu các ngón tay			
28/ Cơ gấp ngón tay			
29/ Cơ sấp vuông			
30/ Cơ duỗi kéo dài của tay			
31/ Cơ duỗi ngón út			
32/ Cơ duỗi cổ tay trụ			
33/ Cơ khuỷu			
34/ Cơ ngửa ngắn			
35/ Cơ giạng dài ngón cái			
36/ Cơ duỗi ngón cái			
37/ Cơ duỗi ngón trỏ			
38/ Cơ dây chằng vòng			
39/ Cơ gian cốt mu bàn tay			
40/ Cơ đối ngón cái			
41/ Cơ giạng ngắn ngón cái			
42/ Cơ gấp ngón cái			
43/ Cơ khép ngón cái			
44/ Cơ giãn bàn tay			
45/ Cơ giạng ngón út			
46/ Mạc giữ cơ gấp			
47/ Gân của cơ gan tay			
48/ Gân của cơ gấp nông các ngón tay			
49/ Gân của cơ khép dài ngón cái			
50/ Gân của cơ giạng dài ngón cái			
51/ Điểm nối gân			
52/ Gân cơ duỗi của bàn tay			
53/ Gân của cơ tam đầu cánh tay			
Các mạch			
54/ Động mạch nách			
55/ Động mạch mũ cánh tay trước			
56/ Động mạch cánh tay			

	57/ Động mạch nhánh bên trụ trên			
	58/ Động mạch hướng tâm			
	59/ Động mạch trụ			
	60/ Động mạch gian cốt sau.			
	61/ Động mạch gian cốt trước			
	62/ Nhánh gan tay nông của động mạch xuyên tâm			
	63/ Cung động mạch gan bàn tay nông			
	64/ Động mạch gan bàn tay chung			
	65/ Động mạch gan ngón riêng			
	66/ Động mạch lưng bàn tay			
	67/ Nhánh cổ tay sau của động mạch xương trụ			
	Dây thần kinh			
	68/ Dây thần kinh ngực			
	69/ Dây thần kinh xương trụ			
	70/ Dây thần kinh trung gian			
	71/ Thần kinh cơ da			
	72/ Dây thần kinh nách			
	73/ Dây thần kinh hướng tâm			
	74/ Nhánh sâu của dây thần kinh hướng tâm			
	75/ Dây thần kinh trong của cẳng tay trước			
	76/ Các dây thần kinh ngón ở lòng bàn tay thích hợp của dây thần kinh xương trụ			
	77/ Nhánh bề ngoài của dây thần kinh hướng tâm			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
60	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm::			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ cứng: 01 cái			
	- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình bao gồm 20 phần			
	- Mô hình mô phỏng các cơ quan nội tạng.			
	- Tất cả các bộ phận đều có thể tháo rời và chuyển từ nam sang nữ.			
	- Các bộ phận có thể tháo rời bao gồm:			
	+ Đầu: 2 phần			
	+ Thành ngực nữ			
	+ 2 Phổi			
	+ Tim 2 phần			
	+ Dạ dày			
	+ Gan với túi mật			
	+ Ruột 2 phần			
	+ Nửa trước của thận			

	+ Bộ phận sinh dục nam 4 phần			
	+ Bộ phận sinh dục nữ 3 phần với thai			
	- Kích thước: 87 x 38 x 25 cm,			
	- Trọng lượng: 7,3 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
61	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ cứng: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình hệ cơ, kích thước thật, 27 phần.			
	- Mô hình thể hiện các cơ nông và sâu, chi tiết về mặt giải phẫu.			
	- Để nghiên cứu chi tiết và lộ ra các cấu trúc bên trong, các bộ phận sau đây có thể được tháo rời:			
	+ Nắp hộp sọ			
	+ Não 6 phần			
	+ Nhãn cầu với dây thần kinh thị giác			
	+ Thành ngực/bụng			
	+ Thanh quản 2 phần			
	+ 2 phổi			
	+ Tim 2 phần			
	+ Cơ hoành			
	+ Dạ dày 2 phần			
	+ Gan với túi mật			
	+ Đường ruột đầy đủ với ruột thừa			
	+ Nửa trước của thận			
	+ Một nửa bàng quang			
	+ 4 cơ			
	- Mô hình đặt trên kệ cứng.			
	- Kích thước: 95 x 60 x 35 cm,			
	- Trọng lượng: 14 kg.			
	A1. Hình cơ, nhìn từ trước, không có thành ngực trước và thành bụng và không có ruột tháo rời			
	A2. Thành ngực trước và thành bụng, mặt ngoài			
	A3. Thành ngực trước và thành bụng, mặt trong			
	B. Hình cơ, nhìn từ phía sau			
	C. Thành ngực sau và thành bụng, không có ruột tháo rời			
	D1. Đầu của hình cơ, nhìn từ bên ngoài phía trước trái			
	D2. Bệ trong của hộp sọ			
	D3. Đầu của hình cơ, nhìn từ bên ngoài phía trước phải			
	E1. Nửa não phải, nhìn từ giữa			
	E2. Nửa não phải, nhìn từ dưới			

E3. Nửa trái của tiểu não, hình ảnh trung gian phía trước			
F. Nhãn cầu trái với các cơ mắt ngoài và thần kinh thị giác, mặt trước trung gian			
E4. Thân não trái, nhìn từ bên			
E5. Thân não trái, nhìn từ giữa			
G1. Thanh quản và các cấu trúc xung quanh, nhìn từ phía trước			
G2. Nửa trái của thanh quản và các cấu trúc xung quanh, nhìn từ giữa			
H1. Phổi phải, nhìn từ trung gian			
H2. Nửa phía trước bên trái của phổi, nhìn từ trong phía sau			
I1. Tim, nhìn từ trước, không có vách tâm nhĩ thất			
I2. Vách tâm nhĩ thất phía trước của tim			
J. Cơ hoành, nhìn từ trên			
K1. Dạ dày, nhìn từ trước			
K2. Dạ dày, nhìn từ phía sau trên			
K3. Thành dạ dày sau, mặt trong			
L. Gan, nhìn từ phía sau			
M1. Đường ruột, mặt trước, manh tràng mở			
M2. Đường ruột, nhìn từ phía sau			
N. Nửa trước bên phải của thận, mặt trong			
O. Phần bàng quang, nhìn từ phía sau			
1. Gân màng sọ			
2. Cơ da đầu, cơ chạm trán, bụng trước			
3. Cơ vòng mi			
4. Cơ vòng mi, phần mí mắt			
5. Nasalis			
6. Tuyến mang tai			
7. Cơ vòng mô			
8. Cơ hạ mép			
9. Cơ ức-đòn-chũm			
10. Cơ hạ môi dưới			
11. Cơ thang			
12. Vai-xương móng, bụng dưới			
13. Động mạch cảnh chung bên phải			
14. Xương đòn			
16. Cơ giãn sườn bên ngoài			
18. Cơ giãn sườn trong			
19. Xương sườn			
53. Xương trán			
54. Cơ mày			
55. Ô mắt			
56. Xương gò má			
57. Xương hàm dưới			
58. Đốt sống cổ, thân			

59. Đĩa đệm			
60. Tĩnh mạch hình trụ bên trong bên trái			
61. Dưới đòn			
74. Cơ bụng ngang			
75. Cơ vuông thắt lưng			
76. Mào chậu			
77. Cơ thắt lưng to			
78. Cơ chậu			
99. Xương ức, chuỗi ức			
100. Vỏ thực tràng, lớp trước			
101. Đường xiên bên ngoài			
102. Xiên ngoài, gân màng			
103. Xương sườn thứ nhất			
104. Sụn sườn			
105. Xương ức, thân			
106. Cơ răng cưa			
107. Xương ức, Mỏm mũi kiếm			
108. Cơ thẳng bụng			
109. Cơ thẳng bụng, các giao điểm có gân			
110. Xiên trong			
111. Đường trắng, vòng rốn			
112. Cơ tam giác xương ức			
113. Xương chẩm			
114. Xương đỉnh			
115. Cơ thái dương			
116. Xương thái dương			
117. Cơ gối đầu			
118. Góc xương bả vai			
119. Cơ thoi nhỏ			
120. Cơ trên gai			
121. Xương bả vai, xương sống			
127. Cơ dưới gai			
128. Cơ thoi chính			
129. Xương vai, biên giới giữa			
130. Cơ chậu sườn			
131. Cơ dài			
132. Cơ răng cưa sau dưới			
135. Piriformis			
136. Cơ sinh đôi trên			
137. Cơ bịt trong			
138. Cơ sinh đôi dưới			
156. Cơ da đầu, Cơ chạm trán			
159. Tĩnh mạch cảnh trong bên phải			
160. Động mạch dưới đòn phải			

161. Tĩnh mạch dưới đòn phải			
162. Khí quản			
164. Tĩnh mạch chủ trên			
165. Phế quản chính bên phải			
166. Oesophagus (Thực quản), phần lồng ngực			
167. Tĩnh mạch liên sườn sau			
168. Thân giao cảm			
169. Động mạch liên sườn sau			
170. Tĩnh mạch azygos			
171. Phần bụng của động mạch chủ (Động mạch chủ bụng)			
172. Tĩnh mạch chủ dưới			
173. Tĩnh mạch cửa gan			
174. Ống mật			
175. Tá tràng, phần trên			
176. Thận phải, bể thận			
177. Mạc treo kết tràng ngang			
178. Tá tràng, phần giảm dần			
179. Tuyến tụy, đầu			
180. Niệu quản phải			
181. Động mạch chậu phải			
182. Tĩnh mạch chậu chung phải			
184. Trục tràng			
185. Tĩnh mạch chậu ngoài bên phải			
186. Động mạch chậu ngoài bên phải			
192. Động mạch cảnh chung trái			
193. Tĩnh mạch dưới đòn trái			
200. Phế quản chính bên trái			
201. Phổi trái			
202. Động mạch chủ ngực			
203. Phổi trái			
204. Thực quản, phần bụng			
205. Lách			
206. Động mạch lách			
207. Tĩnh mạch lách			
208. Tuyến tụy, đuôi			
209. Tuyến thượng thận trái			
210. Thân Celiac (Thân Celiac)			
211. Thận trái			
212. Tá hồng tràng uốn			
213. Động mạch mạc treo tràng trên			
214. Tĩnh mạch mạc treo tràng trên			
215. Tá tràng, phần tăng dần			
216. Tá tràng, phần dưới (phần nằm ngang, phần ngang)			
217. Động mạch chậu trái chung			

218. Tĩnh mạch chậu trái chung			
220. Động mạch xương cùg trung gian			
221. Động mạch chậu trong trái			
222. Niệu quản trái			
223. Động mạch chậu ngoài trái			
224. Tĩnh mạch chậu ngoài trái			
225. Đại tràng sigma			
226. Bàng quang			
227. Đường khớp vành			
228. Xương tuyến lệ			
229. Xương sàng			
230. Hàm trên			
231. Cơ nâng môi trên và cánh mũi			
232. Cơ bắp ở góc miệng			
233. Cằm			
234. Đường khớp đỉnh-chằm			
235. Xương thái dương, vòm zygomatic			
236. Cơ mút			
237. Dây thần kinh thị giác [dây thần kinh sọ thứ 2]			
238. Động mạch cảnh trong bên phải			
239. Tuyến yên			
240. Màng cứng sọ			
241. Tủy sống			
242. Cơ da đầu, cơ thái dương-đỉnh			
243. Cơ tai trước			
244. Tuyến mang tai, phần bề ngoài			
245. Ống mang tai			
246. Cơ cắn			
247. Cơ cười			
248. Cơ nâng môi trên			
249. Cơ gò má bé			
250. Cơ gò má to			
251. Đám rối mạch mạc của tâm thất thứ ba			
252. Vòm			
253. Thở chai			
254. Lỗ gian tâm thất			
255. Đồi não			
256. Hypothalamus			
257. Giao thoa thị giác			
258. Dây thần kinh vận nhãn chung [dây thần kinh sọ thứ 3]			
259. Cầu não			
260. Bán cầu não, bề mặt trung gian			
261. Interthalamic adhesion (Massa intermedia)			
262. Tuyến tùng (Thân tùng)			

	263. Mái của não giữa			
	264. Tiểu não			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
62	Mô hình da phóng đại	Chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- 1 Mô hình chính			
	- Kệ cứng: 01 cái			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình cho thấy một phần của da người ở dạng ba chiều. Các lớp da riêng biệt được phân biệt, và các cấu trúc quan trọng của da như lông, tuyến bã và tuyến mồ hôi, cơ quan thụ cảm, thần kinh, cơ dựng lông và mạch máu được thể hiện chi tiết.			
	- Kích thước: 44 x 24 x 23 cm,			
	- Trọng lượng: 3,6 kg			
	* Mô hình thể hiện:			
	I. Biểu bì			
	II. Da			
	III. Mô dưới da			
	IV. Lớp sừng biểu bì			
	1. Thân lông			
	2. Stratum disjunctum			
	3. Stratum conjunctum			
	4. Lớp biểu bì trong suốt			
	5. Lớp hạt biểu bì			
	6. Lớp gai của biểu bì			
	7. Lớp đáy của biểu bì			
	8. Màng nền			
	9. Đám rối tĩnh mạch dưới nhú			
	10. Lớp nhú của hạ bì			
	11. Mạng động mạch dưới da			
	12. Lớp lưới của hạ bì			
	13. Ống dẫn mồ hôi			
	14. Đám rối tĩnh mạch chân bì			
	15. Mạng động mạch chân bì			
	16. Chân lông			
	17. Cơ dựng lông			
	18. Mạch bạch huyết			
	19. Tiểu động mạch			
	20. Thần kinh			
	21. Tiểu tĩnh mạch			
	22. Tiểu thể Krause			
	23. Tiểu thể Golgi-Mazzoni			
	24. Brushes of Ruffini			

	25. Tiểu thể VATER-PACINI			
	26. Động mạch nhú			
	27. Tĩnh mạch nhú			
	28. Vỏ lông			
	29. Tuỷ lông			
	30. Tuyến mồ hôi			
	31. Vỏ biểu mô bên ngoài			
	32. Lớp Henle			
	33. Lớp Huxley			
	34. Biểu bì lông			
	35. Chân lông			
	36. Tuyến bã nhờn			
	37. Thân tuyến mồ hôi tiết mùi			
	38. Dây thần kinh nhú			
	39. Thần kinh lông			
	40. Cân			
	41. Cơ			
	42. Tế bào mỡ			
	43. Cơ dựng lông			
	44. Tiểu thể xúc giác MEISSNER			
	45. Lỗ chân lông			
	46. Tế bào hắc tố			
	47. Ống của tuyến mồ hôi tiết mùi			
	48. Tiểu thể Mekel			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
63	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ đỡ mô hình: 01 cái			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình giải phẫu hệ cơ đầu cổ gồm 5 phần			
	- Mô hình mô phỏng cơ nông và cơ sâu, dây thần kinh và mạch máu đầu và cổ người kích thước thật.			
	- Có thể dễ dàng tháo nắp sọ và não 3 phần.			
	- Cấu trúc giải phẫu chi tiết được sơn để dễ dàng nhận diện.			
	- Kích thước: 36 x 18 x 18 cm,			
	- Trọng lượng: 1,8 kg			
	Cơ đầu và cổ			
	Đầu			
	Não			
	Dây thần kinh sọ			
	1. Thần kinh khứ giác (I)			
	2. Dây thần kinh thị giác (II)			

3. Thần kinh vận nhãn (III)			
4. Dây thần kinh cơ chéo mặt to (IV)			
5. Dây thần kinh sinh ba (V)			
6. Thần kinh rẽ ra (VI)			
7. Thần kinh mặt (VII)			
8. Thần kinh tiền đình - ốc tai (VIII)			
9. Thần kinh sọ thứ chín (IX)			
10. Thần kinh phế vị (X)			
11. Dây thần kinh gai sống (XI)			
12. Dây thần kinh hạ nhiệt (XII)			
13. Não			
14. Tâm thất bên			
15. Sừng trước tâm thất bên			
16. Sừng sau tâm thất bên			
17. Sừng dưới tâm thất bên			
18. Lỗ gian não thất			
19. Đám rối tâm thất bên			
20. Nhân đuôi			
21. Đầu của nhân đuôi			
22. Thân của nhân đuôi			
23. Chân hải mã			
24. Chân của chân hải mã			
25. Tua của chân hải mã			
26. Thùy trán			
27. Thùy đỉnh			
28. Thùy chẩm			
29. Thùy thái dương			
30. Rãnh bên			
31. Thể chai			
32. Mỏ thể chai			
33. Gối thể chai			
34. Thân thể chai			
35. Dải thể chai			
36. Vách trong suốt			
37. Cột vòm			
38. Mép trước			
39. Thể tùng quả			
40. Đồi não			
41. Interthalamic connexus			
42. Vùng dưới đồi			
43. Tâm thất thứ ba			
44. Đám rối màng mạch não thất ba			
45. Rãnh sau			
46. Thể núm			

47. Túi cùng dưới của phễu tuyến yên			
48. Giao thoa thị giác			
49. Tiêu não			
51. Thủy giun của tiêu não			
52. Amidan tiêu não			
53. Cụm			
54. Não giữa			
55. Cống não giữa			
56. Cuống não			
58. Pons (cầu Varolius)			
59. Rãnh nền			
60. Tâm thất thứ tư			
61. Hành tủy não tủy			
62. Chóp hành tủy não tủy			
63. Olive (trám hành)			
64. Tủy sống			
65. Kênh giữa			
66. Khe nứt giữa phía trước của tủy sống			
67. Dây thần kinh cổ I			
68. Dây thần kinh cổ II			
69. Rãnh trung gian sau			
71. Rãnh giữa sau			
Hộp sọ bên trong			
1. Hố pacchioni			
2. Rãnh động mạch màng não giữa			
3. Màng cứng của não			
4. Xoang dọc giữa trên			
5. Tủy xương sọ			
Nền sọ			
6. Hố sọ trước			
7. Lá mỏng của xương sàng			
9. Ống thị			
11. Tuyến yên			
13. Cánh nhỏ của xương bướm			
14. Cánh lớn của xương bướm			
15. Khe nứt ổ mắt			
16. Lỗ tròn			
17. Lỗ bầu dục			
18. Lỗ rách			
19. Hố sọ trung gian			
20. Rãnh thần kinh đá ít hơn			
21. Lồi bán khuyên			
22. Bờ trên phần đá xương thái dương			
25. Rãnh xoang sigma			

26. Lỗ cảnh			
27. Mặt dốc			
28. Ống dây thần kinh hạ thiệt			
29. Hố sọ sau			
30. Xoang ngang rãnh			
32. Xoang hang			
33. Đám rối tĩnh mạch xoang nền			
36. Xoang sigmoid			
37. Xoang chẩm			
38. Xoang ngang			
39. Hộp lưu của xoang			
Hộp sọ bên ngoài			
40. Xương trán			
41. Đường khớp vành			
42. Xương đỉnh			
43. Đường khớp dọc			
44. Đường khớp lam da			
45. Xương chẩm			
48. Cung gò má			
49. Xương gò má xương quyền			
50. Đường khớp trán-gò má			
51. Lỗ trên ổ mắt			
52. Túi lệ			
53. Xương mũi			
55. Đường khớp gò má-hàm			
56. Lỗ dưới ổ mắt			
58. Khuyết xích ma của xương hàm dưới			
59. Góc hàm dưới			
60. Thân hàm dưới			
61. Lỗ cằm			
62. Xương móng			
64. Tủy sống			
Cơ			
67. Cơ tai trước			
68. Cơ trên sọ			
69. Cơ tai trên			
70. Cơ tai sau			
71. Cơ màng trên sọ			
72. Phần mí mắt của cơ vòng mi			
73. Phần ổ mắt của cơ vòng mi			
77. Các cơ tròn của miệng			
78. Cơ Zygomaticus			
79. Cơ mút			
80. Cơ cắn			

81. Cơ cười			
84. Cơ cằm			
85. Cơ móng lưỡi			
86. Cơ Genohyoideus			
87. Cơ Mylohyoideus			
88. Bụng trước của cơ hai thân			
89. Bụng sau cơ hai thân			
90. Cơ Stylohyoideus			
91. Bụng trên của cơ vai - móng			
92. Bụng dưới của cơ vai - móng			
93. Cơ Sternohyoideus			
94. Cơ Sternothyroideus			
95. Cơ Thyrohyoideus			
96. Cơ nhãn-giáp			
97. Cơ Sternocleidomastoideus			
98. Cơ bậc trung trước			
99. Cơ bậc trung giữa			
100. Cơ bậc trung sau			
101. Cơ nâng vai			
102. Cơ lách			
103. Cơ nhỏ Rhomboideus			
104. Cơ thang, phần xuống			
105. Cơ thang, phần ngang			
Mạch máu			
107. Động mạch cảnh chung			
108. Động mạch cảnh ngoài			
109. Động mạch giáp trên			
110. Động mạch thanh quản trên			
111. Động mạch lưỡi			
112. Động mạch mặt			
113. Động mạch góc			
114. Động mạch cằm			
115. Động mạch tai sau			
116. Động mạch thái dương nông			
118. Động mạch hàm			
119. Động mạch cảnh trong			
120. Động mạch trán trong			
121. Động mạch dưới đòn			
122. Thân động mạch giáp-cổ			
123. Động mạch giáp dưới			
124. Động mạch ngực trong			
125. Động mạch và tĩnh mạch liên sườn sau I			
126. Tĩnh mạch cảnh trong			
127. Tĩnh mạch cảnh ngoài			

	128. Tĩnh mạch dưới đòn			
	Thần kinh			
	129. Dây thần kinh trên ổ mắt			
	131. Nhánh gò má-mặt của thần kinh gò má			
	132. Dây thần kinh dưới ổ mắt			
	133. Dây thần kinh cằm			
	134. Dây thần kinh tai-thái dương			
	135. Đám rối thần kinh tuyến mang tai (VII)			
	136. Dây thần kinh cằm to			
	137. Dây thần kinh cằm nhỏ			
	138. Dây thần kinh tai to			
	139. Cành ngang đám rối cổ nông			
	140. Dây thần kinh hoành			
	Tuyến			
	143. Tuyến lệ			
	144. Tuyến mang tai			
	145. Ống tuyến mang tai			
	146. Tuyến dưới hàm			
	147. Tuyến giáp			
	148. Sụn giáp			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
64	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ đỡ mô hình: 01 cái			
	- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình cơ $\frac{3}{4}$ kích thước thật 9 phần			
	- Mô hình cơ chân thể hiện cơ nông và cơ sâu với 8 phần có thể tháo rời			
	- Dây chằng, mạch máu, các dây thần kinh, các thành phần xương chân trái và bàn chân đều được thể hiện chi tiết.			
	- Tất cả các phần đều được đánh số.			
	- Kích thước: 77 x 26 x 26 cm,			
	- Trọng lượng: 4 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
65	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ đỡ mô hình: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	* Đặc tính kỹ thuật:			

- Mô hình phổi với thanh quản, 7 phần			
- Mô hình phổi với thanh quản được đặt trên một kệ cứng để dễ dàng mô phỏng.			
- Mô hình chất lượng cao và bao gồm các bộ phận có thể tháo rời.			
- Kích thước: 41 x 31 x 12 cm			
- Trọng lượng: 2.2 kg			
* Mô hình thể hiện:			
1. Xương móng			
A. THANH QUẢN			
2. Sụn giáp			
3. Sụn nhẫn			
4. Nắp thanh quản			
5. Sụn phễu			
6. Màng giáp móng			
7. Móng giáp			
8. Sụn nhẫn giáp			
9. Sụn phễu ngang			
10. Sụn phễu chéo			
11. Nhẫn-sụn phễu sau			
12. Tâm thất thuộc thanh quản			
13. Động mạch thanh quản trên			
14. Tĩnh mạch tuyến giáp dưới			
B. TUYẾN GIÁP			
C. KHÍ QUẢN			
1. Nhánh rẽ khí quản			
2. Phế quản chính phải			
3. Tĩnh mạch dưới đòn phải			
3a. Động mạch dưới đòn phải			
4. Động mạch cảnh chung phải			
5. Tĩnh mạch cảnh trong phải			
6. Tĩnh mạch cánh tay phải			
7. Thân động mạch cánh tay đầu			
8. Động mạch phổi			
D. THỰC QUẢN			
E. PHỔI			
Phổi phải			
a. Thùy trên			
b. Thùy giữa			
c. Thùy dưới			
Phổi trái			
d. Thùy trên			
e. Thùy dưới			
F. TIM			
9. Tâm thất trái			

	10. Động mạch chủ lên			
	11. Van động mạch chủ			
	13. Tâm nhĩ trái			
	14. Tiểu nhĩ trái			
	15. Van hai lá			
	16. Tâm thất phải			
	17. Thân động mạch phổi			
	18. Van thân động mạch phổi			
	19. Tâm nhĩ phải			
	20. Tiểu nhĩ phải			
	21. Tĩnh mạch chủ trên			
	22. Tĩnh mạch chủ dưới			
	23. Van ba lá			
	24. Tĩnh mạch phổi			
	G. CƠ HOÀNH			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
66	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Ván chân tường: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình 1/2 kích thước thật			
	- Nghiên cứu cấu trúc của hệ thần kinh con người.			
	- Mô hình hiển thị sơ đồ của hệ thống thần kinh trung ương và ngoại vi, được đánh số và xác định trong sách hướng dẫn. Được đặt trên ván chân tường.			
	- Kích thước: 80 x 33 x 6 cm,			
	- Trọng lượng: 3,5 kg			
	* Mô hình thể hiện:			
	NĂO			
	1. Thùy trán			
	2. Thùy đỉnh			
	3. Thùy chẩm			
	3a. Thùy thái dương			
	4. Tiểu não			
	5. Cầu não			
	6. Hành tủy não tủy			
	7. Tủy sống			
	DÂY THẦN KINH CỘT SỐNG			
	8. Dây thần kinh [C1-C8]			
	9. Dây thần kinh ngực [T1-T12]			
	10. Dây thần kinh thắt lưng [L1-L5]			

	11. Dây thần kinh xương cùg [S1-S5]			
	12. Nón tủy sống			
	13. Chùm đuôi ngựa			
	14. Bàng quang tiết niệu			
	THÂN GIAO CẢM			
	15. Hạch cổ trên			
	16. Hạch ngực			
	17. Hạch thất lưng			
	18. Hạch thận			
	DÂY THẦN KINH CHI TRÊN			
	19. Dây thần kinh trên xương đòn			
	20. Dây thần kinh mũ			
	21. Dây thần kinh cơ da			
	22. Dây thần kinh quay			
	23. Dây thần kinh giữa			
	24. Thần kinh trụ			
	25. Nhánh nông của thần kinh quay			
	26. Nhánh gan tay của thần kinh giữa			
	27. Nhánh gan tay của thần kinh trụ			
	28. Nhánh lưng của thần kinh trụ			
	29. Thần kinh da sau cánh tay			
	30. Thần kinh mu ngón tay			
	31. Thần kinh gan ngón tay			
	DÂY THẦN KINH CHI DƯỚI			
	32. Dây thần kinh chậu-bẹn			
	33. Thần kinh da ngoài đùi			
	34. Thần kinh đùi			
	35. Dây thần kinh hông to			
	36. Dây thần kinh bịt			
	37. Dây thần kinh mác chung			
	38. Dây thần kinh hiển trong			
	39. Nhánh dưới xương bánh chè của dây thần kinh hiển			
	40. Dây thần kinh mác sâu			
	41. Dây thần kinh mác nông			
	42. Các dây thần kinh mu bàn chân			
	43. Nhánh cơ			
	44. Dây thần kinh chằng			
	45. Dây thần kinh hiển ngoài			
	46. Dây thần kinh bàn chân giữa và bên			
	47. Thần kinh da lưng giữa			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
67	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			

- Mô hình chính: 01 cái			
- Kệ cứng: 01 cái			
* Đặc tính kỹ thuật:			
- Hệ tiết niệu 6 phần			
- Một nửa thận trước có thể tháo rời; dễ dàng thay đổi bộ phận nam (bàng quang và tuyến tiền liệt, nửa trước và sau) và bộ phận nữ (bàng quang, tử cung và buồng trứng, 2 nửa bên).			
- Để nghiên cứu chi tiết, các phần sau đây được hiển thị:			
+ Cấu trúc của khoang sau màng bụng.			
+ Xương chậu lớn và nhỏ với xương và cơ.			
+ Tĩnh mạch chủ dưới.			
+ Động mạch chủ với các nhánh của nó bao gồm các mạch máu vùng chậu.			
+ Đường tiết niệu trên.			
+ Trực tràng.			
+ Thận với tuyến thượng thận.			
- Kích thước: 41 x 31 x 15 cm			
- Trọng lượng: 2,3 kg.			
* Mô hình thể hiện:			
1. Thận			
a. Vỏ thận			
b. Tủy thận			
c. Bề thận			
d. Khoang hình ốc			
e. Lỗ của ống nhú			
2. Tĩnh mạch thận			
3. Tĩnh mạch chủ dưới			
4. Động mạch thận			
5. Động mạch chủ bụng			
6. Niệu quản			
7. Bàng quang			
a. Đỉnh bàng quang			
b. Đáy bàng quang			
c. Thân bàng quang			
d. Lỗ niệu quản			
e. Tam giác bàng quang			
8. Niệu đạo			
9. Tuyến tiền liệt			
10. Tuyến thượng thận			
11. Tử cung			
12. Thân tạng			
13. Động mạch gan chung			
14. Động mạch lách			
15. Động mạch màng treo ruột trên			

	16. Động mạch màng treo ruột dưới			
	17. Động mạch tinh hoàn / động mạch buồng trứng			
	18. Tĩnh mạch tinh hoàn/ Tĩnh mạch buồng trứng			
	19. Động mạch chậu chung			
	20. Động mạch chậu ngoài			
	21. Động mạch chậu trong			
	22. Cơ bụng ngang			
	23. Cơ vuông thắt lưng			
	24. Cơ chậu			
	25. Cơ thắt lưng to			
	26. Gai chậu trước trên			
	27. Khớp đỉnh mu			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
68	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Ván chân tường: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình giải phẫu hệ tiêu hóa 3 phần.			
	- Mô hình kích thước thật mô tả toàn bộ hệ tiêu hóa.			
	- Gồm các phần được sơn màu sau:			
	+ Mũi			
	+ Khoang miệng và họng			
	+ Thực quản			
	+ Đường tiêu hóa			
	+ Gan với túi mật			
	+ Tuyến tụy			
	+ Lá lách			
	- Tá tràng, Manh tràng và Trực tràng của hệ tiêu hóa được mở.			
	- Đại tràng ngang và thành trước dạ dày có thể tháo rời khỏi hệ thống tiêu hóa để nghiên cứu chi tiết về giải phẫu.			
	- Gan, dạ dày và đại tràng ngang có thể tháo rời.			
	- Kích thước: 81 x 33 x 10 cm			
	- Trọng lượng: 4,4 kg.			
	* Mô hình thể hiện:			
	1. Răng			
	2. Lưỡi			
	3. Ngạc cứng			
	4. Ngạc mềm			
	4a. Lưỡi gà			
	5. Họng			
	6. Thực quản			

	7. Dạ dày			
	7a. Tâm vị			
	7b. Đáy dạ dày			
	7c. Bờ cong nhỏ			
	7d. Bờ cong lớn			
	7e. Môn vị			
	8. Tá tràng			
	9. Tuyến tụy			
	10. Lá lách			
	12. Gan			
	12a. Thùy phải của gan			
	12b. Thùy trái của gan			
	12c. Thùy vuông			
	12d. Ống túi mật			
	12e. Ống gan chung			
	12f. Tĩnh mạch cửa gan			
	12g. Động mạch gan			
	13. Ruột non			
	13a. Hỗng tràng			
	13b. Ruột hồi			
	14. Van hồi -manh tràng			
	15. Ruột già			
	15a. Kết tràng lên			
	15b. Kết tràng ngang			
	15c. Kết tràng xuống			
	15d. Manh tràng			
	15e. Ruột thừa			
	16. Trực tràng			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
69	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Ván chân tường: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình bằng nửa kích thước thật, mô phỏng chi tiết các cấu trúc giải phẫu:			
	+ Hệ thống động mạch / tĩnh mạch			
	+ Tim			
	+ Phổi			
	+ Gan			
	+ Lách			
	+ Thận			

+ Một phần bộ xương			
- Mô hình là công cụ hỗ trợ giảng chính xác về mặt giải phẫu của hệ thống tuần hoàn.			
- Kích thước: 80 x 30 x 6 cm			
- Trọng lượng: 3.6 kg.			
* Mô hình thể hiện:			
Mạch đầu và cổ			
1. Tĩnh mạch trán			
2. Tĩnh mạch thái dương nông			
3. Động mạch thái dương nông			
3a. Động mạch hàm			
4. Động mạch cằm			
5. Động mạch trán trong			
6. Tĩnh mạch và động mạch góc			
7. Tĩnh mạch và động mạch mặt			
7a. Động mạch lưỡi			
9. Tĩnh mạch sau hàm dưới			
10. Tĩnh mạch cảnh trong			
11. Động mạch giáp trên			
12. Động mạch đốt sống			
13. Thân giáp cổ			
14. Thân động mạch gian sườn-cổ			
15. Động mạch trên vai			
16. Tĩnh mạch và động mạch dưới đòn			
17. Tĩnh mạch chủ trên			
18. Động mạch cảnh chung			
18a. Động mạch cảnh ngoài			
19. Cung động mạch chủ			
20. Động mạch chủ xuống			
Mạch chi trên			
21. Động mạch và tĩnh mạch nách			
22. Tĩnh mạch đầu			
22a. Động mạch mũ cánh tay trước			
22b. Động mạch mũ cánh tay sau			
23. Động mạch ngực lưng			
24. Tĩnh mạch và động mạch cánh tay			
25. Động mạch cùng vai ngực			
26. Động mạch dưới đòn trái			
27. Tĩnh mạch nền			
28. Động mạch nhánh bên trụ trên			
29. Động mạch trụ			
30. Động mạch gian cốt sống chung			
31. Tĩnh mạch cánh tay giữa			
32. Động mạch quay			

33. Tĩnh mạch đầu			
35. Cung bàn tay nông			
36. Tĩnh mạch và động mạch ngón gan bàn tay chung			
37. Động mạch cánh tay sâu			
40. Động mạch quặt ngược quay			
41. Nhánh mu cổ tay của động mạch quay			
42. Động mạch gian cốt trước			
44. Động mạch II-V			
45. Động mạch pollicis chính			
46. Tĩnh mạch phổi			
47. Động mạch phổi			
48. Thân động mạch phổi			
Cơ quan bên trong			
49. Phổi trái			
50. Tâm nhĩ phải			
51. Tâm nhĩ trái			
52. Tâm thất phải			
53. Tâm thất trái			
54. Van động mạch chủ			
55. Van phổi			
56. Vách ngăn gian tâm thất			
57. Cơ hoành			
58. Gan			
Mạch của các cơ quan bên trong			
59. Tĩnh mạch gan			
60. Tĩnh mạch vành vị trái và phải			
61. Động mạch gan chung			
61a. Thân tạng			
62. Tĩnh mạch mạc treo tràng trên			
63. Tĩnh mạch chủ dưới			
64. Tĩnh mạch và động mạch thận			
65. Động mạch màng treo trên			
66. Tĩnh mạch và động mạch lách			
67. Động mạch vành vị trái			
68. Động mạch chủ bụng			
69. Động mạch màng treo dưới			
Mạch vùng xương chậu			
72. Tĩnh mạch và động mạch chậu chung			
73. Tĩnh mạch và động mạch chậu ngoài			
74. Động mạch xương cùng giữa.			
75. Tĩnh mạch và động mạch chậu trong			
Mạch chi dưới			
76. Nhánh lên của động mạch mũ đùi ngoài			
77. Nhánh xuống của động mạch mũ đùi ngoài			

	78. Động mạch đùi			
	79. Động mạch đùi sâu			
	80. Tĩnh mạch và động mạch kheo			
	81. Động mạch chày sau			
	82. Động mạch chày trước			
	83. Động mạch lưng của bàn chân			
	84. Động mạch gan chân bên			
	85. Động mạch và tĩnh mạch thượng vị trên			
	86. Tĩnh mạch đùi sâu			
	87. Động mạch mũ đùi trong			
	89. Tĩnh mạch đùi			
	91. Tĩnh mạch hiển nhỏ			
	93. Động mạch xuyên			
	95. Động mạch gối giữa trên			
	95a. Động mạch gối bên trên			
	96. Động mạch gối bên dưới			
	96a. Động mạch gối giữa dưới			
	97. Động mạch gối xuống			
	98. Tĩnh mạch xuyên			
	99. Tĩnh mạch hiển lớn			
	100. Mạng lưới tĩnh mạch mu bàn chân			
	101. Động mạch lưng của bàn chân			
	102. Động mạch cung			
	103. Vòm tĩnh mạch mu bàn chân			
	104. Động mạch xương đốt mu bàn chân			
	104a. Tĩnh mạch ngón mu bàn chân			
	106. Động mạch chày trước			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
70	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ đỡ mô hình: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình hệ cơ nam kích thước thật gồm 37 phần.			
	- Thể hiện cơ nông và cơ sâu của toàn bộ cơ thể			
	- Thể hiện chính xác hệ thống cơ của con người.			
	- Các chi tiết giải phẫu chính xác, được làm từ nhựa bền, không độc hại và được sơn màu.			
	- Các phần có thể tháo rời gồm:			
	+ Vòm sọ			
	+ Não 6 phần			
	+ Nhân cầu			

	+ Thành ngực và thành bụng			
	+ Cánh tay			
	+ Thanh quản 2 phần			
	+ 2 phổi			
	+ Cơ hoành			
	+ Dạ dày 2 phần			
	+ Gan và túi mật			
	+ Thận			
	+ Hệ thống ruột			
	+ Nửa bàng quang			
	+ Dương vật 2 phần			
	+ 10 cơ (3 cơ tay và chân, 2 cơ ngực, cơ mông và cơ ức đòn chũm)			
	- Kích thước: 180 x 110 x 50 cm			
	- Trọng lượng: 53 kg			
	A1. Hình cơ, nhìn từ trước, không có thành ngực trước và thành bụng và không có ruột tháo rời			
	A2. Thành ngực trước và thành bụng, mặt ngoài			
	A3. Thành ngực trước và thành bụng, mặt trong			
	B. Hình cơ, nhìn từ phía sau			
	C. Thành ngực sau và thành bụng, không có ruột tháo rời			
	D1. Đầu của hình cơ, nhìn từ bên ngoài phía trước trái			
	D2. Bệ trong của hộp sọ			
	D3. Đầu của hình cơ, nhìn từ bên ngoài phía trước phải			
	E1. Nửa não phải, nhìn từ giữa			
	E2. Nửa não phải, nhìn từ dưới			
	E3. Nửa trái của tiểu não, hình ảnh trung gian phía trước			
	F. Nhãn cầu trái với các cơ mắt ngoài và thần kinh thị giác, mặt trước trung gian			
	E4. Thân não trái, nhìn từ bên			
	E5. Thân não trái, nhìn từ giữa			
	G1. Thanh quản và các cấu trúc xung quanh, nhìn từ phía trước			
	G2. Nửa trái của thanh quản và các cấu trúc xung quanh, nhìn từ giữa			
	H1. Phổi phải, nhìn từ trung gian			
	H2. Nửa phía trước bên trái của phổi, nhìn từ trong phía sau			
	I1. Tim, nhìn từ trước, không có vách tâm nhĩ thất			
	I2. Vách tâm nhĩ thất phía trước của tim			
	J. Cơ hoành, nhìn từ trên			
	K1. Dạ dày, nhìn từ trước			
	K2. Dạ dày, nhìn từ phía sau trên			
	K3. Thành dạ dày sau, mặt trong			
	L. Gan, nhìn từ phía sau			
	M1. Đường ruột, mặt trước, manh tràng mở			

M2. Đường ruột, nhìn từ phía sau			
N. Nửa trước bên phải của thận, mặt trong			
O. Phần bàng quang, nhìn từ phía sau			
P1. Nửa bên phải của cơ quan sinh dục nam bên ngoài, da dương vật và bìu bị loại bỏ một phần			
P2. Nửa bên trái của cơ quan sinh dục nam bên ngoài, mặt trong			
1. Gân màng sọ			
2. Cơ da đầu, cơ chạm trán, bụng trước			
3. Cơ vòng mi			
4. Cơ vòng mi, phần mí mắt			
5. Nasalis			
6. Tuyến mang tai			
7. Cơ vòng mô			
8. Cơ hạ mép			
9. Cơ ức-đòn-chũm			
10. Cơ hạ môi dưới			
11. Cơ thang			
12. Vai-xương móng, bụng dưới			
13. Động mạch cảnh chung bên phải			
14. Xương đòn			
15. Cơ delta			
16. Cơ giãn sườn bên ngoài			
17. Cơ ngực lớn			
18. Cơ giãn sườn trong			
19. Xương sườn			
20. Cơ cánh tay			
21. Cơ nhị đầu cánh tay			
22. Cơ hoành			
23. Xương cánh tay			
24. Cơ ngựa dài			
25. Cơ duỗi cổ tay quay dài			
26. Cơ duỗi cổ tay - quay ngắn			
27. Cơ duỗi ngón			
28. Cơ giạng dài ngón tay cái			
29. Xương quay			
30. Dây chằng vòng cơ duỗi			
31. Cơ duỗi ngón cái dài, gân			
32. Cơ duỗi ngón cái ngắn, gân			
33. Cơ duỗi chung các ngón tay, gân			
34. Cơ lược			
35. Cơ may			
36. Cơ khép dài			
37. Cơ thẳng của đùi			
38. Cơ rộng bên			

39. Cơ rộng giữa			
40. Xương bánh chè			
41. Cơ may, cơ khép hông, gân (“Chân ngỗng”)			
42. Cơ sinh đôi căng chân, đầu giữa			
43. Cơ căng chân trước			
44. Xương chày, mặt giữa			
45. Cơ dóp			
46. Cơ duỗi dài các ngón chân, gân			
47. Cơ duỗi dài ngón chân cái, gân			
48. Xương mác, mắt cá bên			
49. Dây chằng chéo của mắt cá chân			
50. Cơ duỗi dài các ngón chân, gân			
51. Cơ duỗi ngắn ngón chân cái			
52. Xương bàn chân I			
53. Xương trán			
54. Cơ mày			
55. Ổ mắt			
56. Xương gò má			
57. Xương hàm dưới			
58. Đốt sống cổ, thân			
59. Đĩa đệm			
60. Tĩnh mạch hình trụ bên trong bên trái			
61. Dưới đòn			
62. Cơ gan tay, gân			
63. Mạc giữ cơ gấp			
64. Xương trụ			
65. Động mạch quay			
66. Cơ nhị đầu cánh tay, gân			
67. Xương cánh tay			
68. Dây thần kinh trung gian và động mạch cánh tay			
69. Cơ quạ - cánh tay			
70. Cơ tam đầu, đầu dài			
71. Tĩnh mạch nền			
72. Latissimus dorsi			
73. Cơ tròn to			
74. Cơ bụng ngang			
75. Cơ vuông thắt lưng			
76. Mào chậu			
77. Cơ thắt lưng to			
78. Cơ chậu			
79. Dây chằng bẹn			
80. Thần kinh đùi			
81. Tĩnh mạch đùi trái			
82. Động mạch đùi trái			

83. Cơ khép mông			
84. Xương đùi, mỏm lồi cầu giữa			
85. Xương đùi, mỏm lồi cầu bên			
86. Dây chằng bánh chè			
87. Xương chày, mắt cá giữa			
88. Cơ duỗi ngắn các ngón chân, gân			
89. Cơ ức-đòn-chũm, đầu giữa			
90. Cơ ức-đòn-chũm, đầu bên			
91. Cơ nhị đầu cánh tay, đầu dài			
92. Cơ nhị đầu cánh tay, đầu ngắn			
93. Cơ ngực bé			
94. Cơ gấp nông các ngón tay			
95. Cơ gấp cổ tay trụ			
96. Cơ gan bàn tay dài			
97. Cơ gấp cổ tay quay			
98. Cơ sấp tròn			
99. Xương ức, chuỗi ức			
100. Vỏ trục trằng, lớp trước			
101. Đường xiên bên ngoài			
102. Xiên ngoài, gân màng			
103. Xương sườn thứ nhất			
104. Sụn sườn			
105. Xương ức, thân			
106. Cơ răng cưa			
107. Xương ức, Mỏm mũi kiếm			
108. Cơ thẳng bụng			
109. Cơ thẳng bụng, các giao điểm có gân			
110. Xiên trong			
111. Đường trắng, vòng rốn			
112. Cơ tam giác xương ức			
113. Xương chẩm			
114. Xương đỉnh			
115. Cơ thái dương			
116. Xương thái dương			
117. Cơ gối đầu			
118. Góc xương bả vai			
119. Cơ thoi nhỏ			
120. Cơ trên gai			
121. Xương bả vai, xương sồng			
122. Cơ duỗi ngắn ngón tay cái			
123. Cơ khuỷu			
124. Xương trụ, Mỏm khuỷu			
125. Cơ tam đầu			
126. Cơ tròn bé			

127. Cơ dưới gai			
128. Cơ thoi chính			
129. Xương vai, biên giới giữa			
130. Cơ chậu sườn			
131. Cơ dài			
132. Cơ răng cưa sau dưới			
133. Cơ mông giữa			
134. Cơ mông to			
135. Piriformis			
136. Cơ sinh đôi trên			
137. Cơ bịt trong			
138. Cơ sinh đôi dưới			
139. Xương đùi (Xương đùi), trochanter lớn hơn			
140. Cơ vuông đùi			
141. Cơ hai đầu đùi			
142. Cơ bán gân			
143. Cơ bán mạc			
144. Dây thần kinh chày			
145. Động mạch khoeo			
146. Gan bàn chân			
147. Cơ sinh đôi căng chân, đầu bên			
148. Cơ sinh đôi căng chân			
149. Cơ sinh đôi căng chân, gân			
150. Xương mác			
151. Động mạch sợi (Động mạch chày)			
152. Cơ căng chân sau			
153. Cơ gấp dài ngón chân cái			
154. Cơ gấp dài các ngón chân			
155. Động mạch chày sau			
156. Cơ da đầu, Cơ chạm trán			
157. Cơ khớp			
158. Gân			
159. Tĩnh mạch cánh trong bên phải			
160. Động mạch dưới đòn phải			
161. Tĩnh mạch dưới đòn phải			
162. Khí quản			
163. Tĩnh mạch cánh tay phải			
164. Tĩnh mạch chủ trên			
165. Phế quản chính bên phải			
166. Oesophagus (Thực quản), phần lồng ngực			
167. Tĩnh mạch liên sườn sau			
168. Thân giao cảm			
169. Động mạch liên sườn sau			
170. Tĩnh mạch azygos			

171. Phần bụng của động mạch chủ (Động mạch chủ bụng)			
172. Tĩnh mạch chủ dưới			
173. Tĩnh mạch cửa gan			
174. Ống mật			
175. Tá tràng, phần trên			
176. Thận phải, bể thận			
177. Mạc treo kết tràng ngang			
178. Tá tràng, phần giảm dần			
179. Tuyến tụy, đầu			
180. Niệu quản phải			
181. Động mạch chậu phải			
182. Tĩnh mạch chậu chung phải			
183. Động mạch tinh hoàn phải			
184. Trực tràng			
185. Tĩnh mạch chậu ngoài bên phải			
186. Động mạch chậu ngoài bên phải			
187. Ống dẫn tinh bên phải			
188. Tĩnh mạch đùi phải			
189. Động mạch đùi phải			
190. Hang của thể hang dương vật (Thể hang của dương vật)			
191. Thể xốp niệu đạo (Thể xốp của dương vật)			
192. Động mạch cánh chung trái			
193. Tĩnh mạch dưới đòn trái			
194. Tĩnh mạch nách			
195. Thần kinh trung gian			
196. Động mạch cánh tay			
197. Động mạch dưới đòn trái			
198. Tĩnh mạch cánh tay đầu trái			
199. Vòm động mạch chủ			
200. Phế quản chính bên trái			
201. Phổi trái			
202. Động mạch chủ ngực			
203. Phổi trái			
204. Thực quản, phần bụng			
205. Lách			
206. Động mạch lách			
207. Tĩnh mạch lách			
208. Tuyến tụy, đuôi			
209. Tuyến thượng thận trái			
210. Thân Celiac (Thân Celiac)			
211. Thận trái			
212. Tá hồng tràng uốn			
213. Động mạch mạc treo tràng trên			
214. Tĩnh mạch mạc treo tràng trên			

215. Tá tràng, phần tăng dần			
216. Tá tràng, phần dưới (phần nằm ngang, phần ngang)			
217. Động mạch chậu trái chung			
218. Tĩnh mạch chậu trái chung			
219. Động mạch tinh hoàn trái			
220. Động mạch xương cùg trung gian			
221. Động mạch chậu trong trái			
222. Niệu quản trái			
223. Động mạch chậu ngoài trái			
224. Tĩnh mạch chậu ngoài trái			
225. Đại tràng sigma			
226. Bàn quang			
227. Đường khớp vành			
228. Xương tuyến lệ			
229. Xương sàng			
230. Hàm trên			
231. Cơ nâng môi trên và cánh mũi			
232. Cơ bắp ở góc miệng			
233. Cằm			
234. Đường khớp đỉnh-chằm			
235. Xương thái dương, vòm zygomatic			
236. Cơ mút			
237. Dây thần kinh thị giác [dây thần kinh sọ thứ 2]			
238. Động mạch cảnh trong bên phải			
239. Tuyến yên			
240. Màng cứng sọ			
241. Tủy sống			
242. Cơ da đầu, cơ thái dương-đỉnh			
243. Cơ tai trước			
244. Tuyến mang tai, phần bề ngoài			
245. Ống mang tai			
246. Cơ cắn			
247. Cơ cười			
248. Cơ nâng môi trên			
249. Cơ gò má bé			
250. Cơ gò má to			
251. Đám rối mạch mạc của tâm thất thứ ba			
252. Vòm			
253. Thở chai			
254. Lỗ gian tâm thất			
255. Đồi não			
256. Hypothalamus			
257. Giao thoa thị giác			
258. Dây thần kinh vận nhãn chung [dây thần kinh sọ thứ 3]			

259. Cầu não			
260. Bán cầu não, bề mặt trung gian			
261. Interthalamic adhesion (Massa intermedia)			
262. Tuyến tùng (Thân tùng)			
263. Mái của não giữa			
264. Tiểu não			
265. Ống dẫn nước não giữa			
266. Tâm thất thứ tư			
267. Hành tủy não tủy			
268. Kênh trung tâm			
269. Thùy trán			
270. Thùy thái dương			
271. Dây thần kinh trochlear [dây thần kinh sọ thứ 4]			
272. Dây thần kinh sinh ba [dây thần kinh sọ thứ 5]			
273. Dây thần kinh ốc tai [dây thần kinh sọ thứ 8]			
274. Dây thần kinh mặt [dây thần kinh sọ thứ 7]			
275. Bán cầu tiểu não			
276. Dây thần kinh lưỡi – hầu [dây thần kinh sọ thứ 9] và thần kinh phế vị [dây thần kinh sọ thứ 10]			
277. Hành khứu giác			
278. Bó khứu giác			
279. Cuống não			
280. Dây thần kinh vận nhãn ngoài. (dây thần kinh Abducens) [dây thần kinh sọ thứ 6]			
281. Dây thần kinh hạ nhiệt [dây thần kinh sọ thứ 12]			
282. Dây thần kinh cổ đầu tiên, rễ trước			
283. Dây thần kinh cổ thứ hai, rễ trước			
284. Thùy trước của tiểu não			
285. Cuống tiểu não giữa			
286. Thùy nhung nhân			
287. Thùy sau của tiểu não			
288. Trục tràng trung gian			
289. Trục tràng trên			
290. Cứng mạc			
291. Đồng tử			
292. Ống quang			
293. Olive dưới			
294. Xương móng			
295. Vai-xương móng, bụng trên			
296. Úc chũm			
297. Dây chằng tuyến cận giáp trung bình			
298. Tuyến giáp			
299. Sụn khí quản			
300. Nắp thanh quản			

301. Dây chằng nhãn giáp giữa			
302. Thuộc tuyến giáp-xương móng			
303. Sụn tuyến giáp			
304. Cơ khít dưới			
305. Cơ ức-giáp			
306. Sụn hình nêm (Sụn của WRISBERG)			
307. Sụn hình sừng (sụn SANTORINI)			
308. Sụn phễu ngang			
309. Sụn nhãn			
310. Khí quản, thành màng			
311. Oesophagus (Thực quản), phần cổ			
312. Nếp tiền đình			
313. Thân béo trước nắp thanh quản			
314. Tâm thất thanh quản (Tâm thất của MORGAGNI)			
315. Dây thanh âm			
316. Nón thanh quản (màng Cricovocal)			
317. Đỉnh phổi			
318. Phổi phải, thùy trên			
319. Phổi phải, thùy giữa			
320. Phổi phải, thùy dưới			
321. Phổi trái, thùy trên			
322. Phổi trái, thùy dưới			
323. Động mạch phổi phải			
324. Tĩnh mạch phổi phải			
325. Tâm nhĩ phải của tim			
326. Van động mạch phổi			
327. Van ba lá (Van nhĩ thất phải)			
328. Tâm thất phải			
329. Động mạch vành phải			
330. Vách ngăn gian tâm thất			
331. Đỉnh tim			
332. Động mạch chủ đi lên			
333. Thân phổi			
334. Tĩnh mạch phổi trái			
335. Tâm nhĩ trái của tim			
336. Van hai lá (Van nhĩ thất trái)			
337. Tĩnh mạch tim lớn			
338. Động mạch vành trái, nhánh đầu mũ			
339. Tâm thất trái			
340. Tiểu nhĩ phải			
341. Động mạch vành trái, nhánh liên thất trước			
342. Tiểu nhĩ trái			
343. Tĩnh mạch tim lớn, tĩnh mạch liên thất trước			
344. Caval opening			

345. Cơ hoành, gân trung tâm			
346. Môn vị			
347. Rãnh góc			
348. Bờ cong nhỏ			
349. Khuyết tâm vị			
350. Đáy dạ dày			
351. Thân của dạ dày			
352. Bờ cong lớn			
353. Động mạch dạ dày trái			
354. Động mạch dạ dày phải			
355. Lỗ môn vị			
356. Nếp gấp dạ dày			
357. Lỗ tâm vị			
358. Mucosa (Màng nhầy)			
359. Túi Caudate			
360. Động mạch gan thích hợp			
361. Dấu vết dạ dày			
362. Ống gan chung			
363. Túi đảo			
364. Dấu vết tuyến thượng thận trên gan			
365. Dấu vết thận			
366. Dấu vết tá tràng			
367. Ống túi mật			
368. Dấu vết kết tràng			
369. Túi mật			
370. Ileal orifice (Lỗ của hồi tràng)			
371. Manh tràng			
372. Kết tràng ngang			
373. Left colic flexure			
374. Tiểu tràng, ruột non			
375. Tràng xuống			
376. Hồng tràng			
377. Tràng lên			
378. Động mạch mạc treo tràng dưới			
379. Ruột thừa			
380. Động mạch thận			
381. Tĩnh mạch thận			
382. Bề thận			
383. Vỏ thận			
384. Tháp thận			
385. Minor calices			
386. Túi tinh			
387. Bìu			
388. Biểu bì			

	389. Tinh hoàn			
	390. Bao quy đầu			
	391. Niệu đạo nam			
	392. Vách bìu			
	393. Đầu dương vật			
	394. Lỗ niệu đạo ngoài (Lỗ tiểu bên ngoài)			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
71	Mô hình hộp sọ	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 1 cái			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Hộp sọ bao gồm nhiều xương riêng lẻ dần phát triển cùng nhau.			
	- Mô hình là một khuôn đúc tự nhiên giúp cho cấu trúc giải phẫu phức tạp của hộp sọ trở nên dễ hiểu..			
	- Hộp sọ có thể được tách thành 22 xương sau đây:			
	+ Xương đỉnh (trái và phải)			
	+ Xương chẩm			
	+ Xương trán			
	+ Xương thái dương (trái và phải)			
	+ Xương bướm			
	+ Xương sàng			
	+ Xương lá mía			
	+ Xương gò má (trái và phải)			
	+ Hàm trên với răng (trái và phải)			
	+ Xương vòm miệng (trái và phải)			
	+ Xương xoắn mũi (trái và phải)			
	+ Xương lệ (trái và phải)			
	+ Xương mũi (trái và phải)			
	+ Hàm dưới với răng			
	22 xương được mô tả với 9 màu sắc khác nhau để dễ phân biệt xương sọ riêng lẻ.			
	- Kích thước: 21 x 14 x 16 cm			
	- Trọng lượng: 0,7 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
72	Mô hình mắt	Bộ	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Kệ cứng: 01 cái			
	- Hướng dẫn sử dụng			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình gấp 5 lần kích thước thật, 6 phần			
	- Có thể tháo lắp các phần bao gồm:			

	+ Nửa phần màng cứng trên với giác mạc và hệ cơ mắt			
	+ Hai nửa phần màng trạch với móng mắt và võng mạc			
	+ Thủy tinh thể			
	+ Dịch thủy tinh thể			
	- Mô hình được đặt trên kệ			
	- Kích thước: 13 x 14 x 21 cm			
	- Trọng lượng: 0,6 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
73	Mô hình não	Chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- 01 Mô hình chính			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Màu sắc tương phản được sử dụng để chỉ ra các cấu trúc giải phẫu khác nhau trong bộ não người được phân chia ở giữa, mô hình để nghiên cứu giải phẫu não của người.			
	- Mô hình đặt trên kệ			
	- Kích thước: 15 x 14 x 17,5 cm			
	- Trọng lượng: 0,7 kg			
	* Mô hình thể hiện:			
	1. Thùy trán			
	2. Thùy đỉnh			
	3. Thùy chẩm			
	4. Thùy thái dương			
	5. Rãnh trung tâm			
	6. Hồi trước trung tâm			
	7. Hồi sau trung tâm			
	8. Hành khứu giác			
	9. Mép trước			
	10. Thê chai			
	11. Vách trong suốt			
	12. Vòm			
	13. Mép sau			
	19. Đồi não			
	20. Rãnh paonro			
	21. Vùng dưới đồi			
	22. Interthalamic adhesion			
	23. Tuyến tùng			
	24. Thê núm trái			
	25. Tuyến yên			
	26. Dây đám rối màng mạch của tâm thất 3			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
74	Mô hình phổi	Chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			

	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Ván đỡ: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình đặt trên một ván chân tường			
	- Có thể được chia thành 5 phần			
	- Phổi và tim có thể tháo rời.			
	- Kích thước: 37x28x12 cm			
	- Trọng lượng: 1,25 kg			
	* Mô hình thể hiện:			
	A. Mặt trước			
	B. Phổi trái, nhìn từ phía sau			
	C. Phổi phải, nhìn từ phía sau			
	D. Mặt cắt qua đỉnh và đáy tim			
	E. Nhìn từ sau			
	F. Tim, nhìn từ trước			
	1. Xương lườn			
	2. Sụn tuyến giáp			
	3. Sụn nhẫn			
	4. Khí quản			
	5. Dây chằng giáp			
	6. Tuyến giáp			
	7. Phổi phải			
	a) Thùy trên			
	b) Thùy giữa			
	c) Thùy dưới			
	d) Phế quản chính bên phải			
	8 Phổi trái			
	a) Thùy trên			
	b) Thùy dưới			
	c) Phế quản chính trái			
	9. Thực quản			
	10. Đốt sống ngực			
	Tim			
	11. Tâm nhĩ phải			
	12. Tâm thất phải			
	13. Tiểu nhĩ phải			
	14. Van ba lá			
	15. Van thân động mạch phổi			
	16. Tâm nhĩ trái			
	17. Tâm thất trái			
	18. Tiểu nhĩ trái			
	19. Van hai lá			

	20. Van động mạch chủ			
	21. Cơ nhú			
	22. Động mạch chủ			
	a) Phần lên			
	b) Động mạch chủ ngực			
	23. Thân động mạch cánh tay đầu			
	24. Động mạch dưới đòn phải			
	25. Động mạch dưới đòn trái			
	26. Động mạch cảnh phải			
	27. Động mạch cảnh trái			
	28. Động mạch vành phải			
	29. Động mạch vành trái			
	30. Thân động mạch phổi			
	31. Động mạch phổi phải			
	32. Động mạch phổi trái			
	33. Tĩnh mạch chủ trên			
	34. Tĩnh mạch cánh tay phải			
	35. Tĩnh mạch cánh tay trái			
	36. Tĩnh mạch cảnh trong bên phải			
	37. Tĩnh mạch cảnh trong bên trái			
	38. Tĩnh mạch dưới đòn phải			
	39. Tĩnh mạch dưới đòn trái			
	40. Tĩnh mạch chủ dưới			
	41. Tĩnh mạch phổi			
	42. Tĩnh mạch tim			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
75	Mô hình tai phóng đại	Chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	* Cấu hình bao gồm:			
	- Mô hình chính: 01 cái			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng			
	* Đặc tính kỹ thuật:			
	- Mô hình tai, 3 lần kích thước thật, 6 phần.			
	- Mô hình mô phỏng tai ngoài, tai giữa và tai trong.			
	- Bao gồm:			
	+ Màng nhĩ có thể tháo rời với xương búa, xương đe và xương bàn đạp.			
	+ Đường rỗng tai trong 2 phần với ốc tai và dây thần kinh thính giác/ tiền đình.			
	+ Các chi tiết của hai phần xương có thể tháo rời để đóng tai giữa và tai trong.			
	- Kích thước: 34 x 16 x 19 cm			
	- Trọng lượng: 1.55 kg.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			

76	Kính hiển vi quang học	Chiếc	6	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Kính hiển vi: 01 cái			
	- Dây nguồn: 01 cái			
	- Pin cài sẵn trong máy: 01 bộ			
	- Bộ tản nhiệt cài sẵn trong máy: 01 bộ			
	- Hướng dẫn sử dụng: 01 tài liệu			
	Đáp ứng về kỹ thuật:			
	Được trang bị 3 hoặc 4 vật kính tiêu sắc			
	Các kính hiển vi được trang bị pin sạc và có thể sử dụng mà không cần kết nối nguồn điện.			
	Chân đế: Chân đế được làm bằng kim loại			
	Ống kính: Ống kính nhòm nghiêng 45°, xoay đầu 360°, khoảng cách mắt từ 55 đến 75 mm			
	Thị kính: Cặp thị kính rộng WF 10x18mm với độ bù đi-ốp			
	Vật kính: Đầu quay với 4 vật kính tiêu sắc 4x / 0.10, 10x / 0.25, 40x / 0.65, 100x / 1.25 ngâm dầu (có bảo vệ mẫu vật)			
	Độ phóng đại: 40x, 100x, 400x, 1000x			
	Cấp vật thể: 110 mm x 120 mm với 2 kẹp mẫu vật			
	Chiếu sáng: Đèn LED được gắn vào chân đế có thể điều chỉnh được, kèm pin sạc, bộ sạc 100 đến 240 V, 50/60 Hz			
	Tụ sáng: Tụ sáng Abbe N.A.1.25, đồng tử, giá đỡ kính lọc và kính lọc màu xanh			
	Kích thước: Xấp xỉ 175x135x370 mm ³			
	Trọng lượng: 3,5 kg			
	Cấu tạo kính hiển vi:			
	1. Thị kính với ống nhòm và đi ốp			
	2. Chân đế			
	3. Tang quay với vật kính			
	4. Vít hãm cho khay mẫu vật			
	5. Kẹp mẫu vật			
	6. Khay mẫu vật			
	7. Núm điều chỉnh để lấy nét thô			
	8. Tụ sáng với đồng tử và giá đỡ bộ lọc			
	9. Núm điều chỉnh để lấy nét chính xác			
	10. Phần chứa bóng đèn			
	11. Núm chuyển đổi điều khiển chiếu sáng			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
77	Máy ly tâm	Chiếc	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Máy ly tâm: 01 cái			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	TÍNH NĂNG THÔNG DỤNG			

	Điều khiển điện tử với màn hình kỹ thuật số tốc độ và thời gian, với khả năng tăng tốc và phanh dốc.			
	Hẹn giờ có thể điều khiển từ 1' đến 60' hoặc hoạt động liên tục.			
	Động cơ treo bằng cao su đảm bảo hoạt động trơn tru. Màn hình hiển thị tốc độ kỹ thuật số. Nút xung, điều khiển động cơ trong khi nhấn. Tự động dừng nếu mất cân bằng, có đèn báo. Đê hút bám chặt vào bề mặt bàn làm việc.			
	Hoạt động yên tĩnh,.			
	Trong trường hợp mất điện lưới, hãy mở khẩu độ ghi đè thủ công. Độ ồn 50-60dBA.			
	Dung tích tối đa: 120ml			
	Dung tích ống: 8 x 15 ml			
	Kích thước bên ngoài: 20 x 28 x 34 cm			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
78	Nồi hấp tiệt trùng	chiếc	1	
	Thông số kỹ thuật:			
	- Dung tích làm việc: 24 lít			
	- Nhiệt độ ổn định: 124° ~ 126°C			
	- Thời gian tiệt trùng : Tùy theo người sử dụng			
	- Áp suất tiệt trùng: 0,14 ~ 0,165 Mpa			
	- Nguồn điện áp: 220V AC - 50Hz			
	- Công suất tiêu thụ: 2kW			
	- Trọng lượng: 18kg			
	- Dung tích buồng chứa: (280 * 390)mm			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
79	Nồi cách thủy	Chiếc	1	
	Cấu hình bao gồm:			
	- Bể điều nhiệt: 1 cái			
	- Tài liệu HDSD: 1 tài liệu			
	Đặc tính kỹ thuật:			
	ĐIỀU KHIỂN SỐ VÀ HIỂN THỊ NHIỆT ĐỘ VÀ THỜI GIAN.			
	PHẠM VI NHIỆT ĐỘ CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH TỪ MÔI TRƯỜNG +5 °C ĐẾN 99,9 °C, ỔN ĐỊNH ±0.1 °C, ĐỘ ĐỒNG NHẤT ±1 °C.			
	Sự an toàn:			
	Tiêu chuẩn DIN 12877. Thiết bị sẽ cắt nếu không đủ chất lỏng hoặc nếu nhiệt độ bể vượt quá nhiệt độ cài đặt. Bộ điều chỉnh nhiệt độ an toàn có thể điều chỉnh đặt lại thủ công được đặt ở phía sau thiết bị.			
	Lập trình nhiệt độ và thời gian. Bên ngoài và bên trong được làm bằng thép không gỉ			
	ĐẶC TRƯNG			
	Bể hai lớp bằng thép không gỉ với vỏ ngoài bằng thép không gỉ AISI 304.			

	Các bộ phận làm nóng được nhúng trong nhiệt INCOLOY được làm bằng thép không gỉ chống ăn mòn		
	Đi kèm hoàn chỉnh với vòi xả.		
	BẢNG ĐIỀU KHIỂN		
	Công tắc chung có đèn tín hiệu.		
	1. Chỉ số gia nhiệt; mở bộ điều nhiệt; lỗi		
	2. màn hình đọc (nhiệt độ hoặc thời gian).		
	3. Hiển thị giá trị điểm đặt (nhiệt độ hoặc thời gian).		
	4. Thay đổi chế độ hiển thị.		
	5. Gia tăng giá trị.		
	6. Giảm giá trị.		
	7. Nút khởi động/dừng.		
	ĐẶC TÍNH NẮP GẤP MAKROLON®		
	Nhờ độ trong suốt, có thể hình dung bên trong bể. Nó cải thiện sự ổn định nhiệt độ, và hạn chế bay hơi và ô nhiễm.		
	Nhiệt độ tối đa: 99.9 độ C		
	Dung tích: 20 lít		
	Kích thước sử dụng: 15 x 48 x 30 cm		
	Kích thước bên ngoài: 40 x 58x 42 cm		
	Điện tiêu thụ: 1500W		
	Trọng lượng: 10 kg		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
80	Tủ ấm	Chiếc	1
	Cấu hình bao gồm:		
	- Tủ ấm: 01 cái		
	- Tài liệu HDSD: 01 tài liệu		
	Đặc tính kỹ thuật:		
	- Sự đối lưu tự nhiên		
	- Điều khiển số và hiển thị nhiệt độ và thời gian		
	- Nhiệt độ điều chỉnh từ môi trường +5 °C lên tới 80 °C.		
	- Độ ổn định: ±0,1 °C, lên tới 37 °C. Độ đồng nhất: ±0,5 °C, lên tới 37 °C.		
	- Lỗi cài đặt: ±2% nhiệt độ làm việc, độ phân giải 0,1 °C		
	- Cửa kính bên trong		
	- Bên trong không mở và có các góc tròn. Dễ dàng để làm sạch		
	Sự an toàn: Theo tiêu chuẩn EN.61010. Bộ điều chỉnh nhiệt an toàn DIN 12880		
	TÍNH NĂNG THÔNG DỤNG		
	1. Vỏ ngoài được xử lý bằng lớp phủ epoxy chống ăn mòn.		
	2. Bộ phận bên trong: Khoang bằng thép không gỉ AISI 304 dễ lau chùi, gioăng cửa tự điều chỉnh, giá đỡ và thanh dẫn có thể điều chỉnh.		
	3. Bảng điều khiển: bảng điều khiển cách nhiệt độc lập để hỗ trợ tất cả các loại thiết bị, bộ điều khiển và bộ điều chỉnh.		
	4. Cửa hút gió có thể điều chỉnh.		

	Thuộc tính kỹ thuật.			
	5. Chất lượng nhiệt tuyệt vời của vật liệu cách nhiệt có hiệu suất tối ưu theo công suất lò sưởi và mức tiêu thụ điện năng, với tổn thất nhiệt độ bên ngoài tối thiểu.			
	6. Buồng gia nhiệt độc lập dành cho các bộ phận gia nhiệt để có được sự phân bố nhiệt đồng đều, cân bằng và ổn định nhiệt độ nhanh chóng.			
	7. Hướng dẫn điều chỉnh và vị trí kệ.			
	8. Bịt kín kép xung quanh buồng để tạo độ kín nhẹ nhàng nhưng hiệu quả.			
	9. Cửa lò xo nổi điều chỉnh áp suất và hấp thụ sự giãn nở nhiệt.			
	10. Hệ thống đóng áp suất cửa có thể điều chỉnh được. Cửa kính cường lực bên trong.			
	BẢNG ĐIỀU KHIỂN			
	màn hình 4,3 inch.			
	1. Công tắc chính.			
	2. Màn hình			
	3. Đầu ra RS-232.			
	4. Đầu ra USB.			
	Dung tích: 150 lít			
	Kích thước trong: 50 x 60 x50 cm			
	Kích thước ngoài: 70 x 92 x74 cm			
	Công suất: 525 W			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
II	VẬN HÀNH SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH			
1	Tủ đông	Cái	3	
	Số cửa tủ lạnh 2 cửa			
	Kích thước tủ (CxSxR) 1418 x 582 x 490 (mm)			
	Dung tích tổng/ sử dụng 150 lít			
	Dung tích ngăn đông/ ngăn mát 37L/ 110L			
	Công suất điện 90 w			
	Bao gồm: máy nén, dàn ngưng tụ, dàn bay hơi, thiết bị tiết lưu			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
2	Tủ mát	Cái	3	
	Công nghệ Low-E (Chống đọng sương hiệu quả)			
	Máy nén Panasonic			
	Gas R600A			
	Trang bị ngăn kệ			
	Trang bị bánh xe			
	Bao gồm: máy nén, dàn ngưng tụ, dàn bay hơi, thiết bị tiết lưu			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
3	Tủ lạnh làm lạnh trực tiếp	Cái	6	
	- Kiểu làm lạnh trực tiếp (không đóng tuyết)			
	- Kiểu dáng đẹp, màu sắc trang nhã.			
	- Công nghệ khử mùi kháng khuẩn Silver nano.			
	- Hệ thống khí lạnh đa chiều.			

	- Không chứa CFC thân thiện với môi trường.			
	- Vận hành êm			
	Bao gồm: máy nén, dàn ngưng tụ, dàn bay hơi, thiết bị tiết lưu			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
4	Tủ lạnh làm lạnh gián tiếp	Cái	6	
	Làm lạnh gián tiếp			
	Công nghệ Non – Inverter			
	Kích thước tổng (RxCxS): 490x1195x616 mm			
	Môi chất lạnh R600a			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
5	Tủ lạnh thương nghiệp			
	Hãng: SANAKY	Cái	3	
	Model: 350 lít VH3699A1			
	Dung tích ≥ 350 lít			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
6	Phin sấy lọc			
	Phin lọc máy lạnh 1/4inch	Cái	6	
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
7	Ống mao			
	Cáp đồng- ống mao dẫn bằng đồng đường kính D=0,3 mm±0,5 mm	Cái	6	
	Tiết lưu (cáp, ống mao)			
	- Dùng cho tủ lạnh, máy lạnh, kho lạnh ...			
	- Đường kính trong từ 1mm đến 5mm: 1.6mm/ 1.8mm/ 2.0mm/ 2.5mm/ 3.0mm/ 4.0mm/ 5.0mm			
	- Độ dày ống 0.5mm			
	- Mỗi cuộn 1kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
8	Bóng đèn			
	Bóng đèn LED BULB Trụ 10W	Cái	6	
	U = 220 V, P = 10 W			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
9	Công tắc cửa tủ			
	Công tắc đóng mở dùng cơ, gắn vào hệ tủ cửa	Cái	6	
	Điện áp dùng 220v , 1A			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
10	Bộ điều chỉnh nhiệt độ			
	BỘ ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ AUTONICS TK4S-T4SN	Cái	6	
	Ngõ vào: tùy chọn K, J, R, , E, T, S, L, N, U, B, C, G, PLII, JPT100, DPT100, CU, NIKEN, analog (0-100mV, 0-5VDC, 1-5VDC, 0-10VDC, 0-20mA, 4-20mA)			
	- Ngõ ra điều khiển 1: ngõ ra SSRP			
	- Ngõ ra điều khiển 2: không dùng			
	- Ngõ ra phụ alarm: alarm 1 + Ngõ ra truyền thông RS485			
	- Ngõ ra tùy chọn: PV transmission, truyền thông RS485 (modbus RTU).			
	- Hiển thị LED 2 dòng.			
	- cách thức điều khiển: ON/OFF, P, PI, PD, PID Phạm vi đo: 0 - 2300 độ C.G36+G36+G36+			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			

11	Role khởi động PTC			
	Role khởi động PTC tròn hiệu quả cao, Bộ khởi động động cơ PTC cho máy điều hòa không khí	Cái	6	
	Kích thước chip PTC 16mm / 19mm			
	Giá trị R 15ohms / 22ohms / 33ohms / 47ohms			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
12	Role nhiệt bảo vệ			
	Role nhiệt LS, MT-95	Cái	6	
	Số cực : 3			
	Dòng điện : 80-100A			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
13	Quạt dàn lạnh			
	Quạt Dàn Lạnh 4E-400	Cái	6	
	Công suất: 190 W			
	Lưu lượng: 4800 m3/h			
	Cột áp: 125 Pa			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
14	Điện trở xả đá			
	U = 220 V, P = 130÷225 W	Cái	6	
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
15	Cảm biến nhiệt dương			
	Cảm biến nhiệt KARASSN TH-70	Cái	6	
	Tự động lại nhiệt, AC250V 50 ~ 60Hz 10A			
	– Nhiệt độ hoạt động: 70 ° C, nhiệt độ chính xác: ± 5 ° C			
	– Loại liên hệ: NC			
	– Mạch kháng: ≤ 50mΩ, Điện trở cách điện: ≥ 100MΩ			
	– Tuổi thọ: ≥ 100.000 lần			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
16	Cảm biến nhiệt âm			
	Cảm Biến Nhiệt Độ Âm (Sò Lạnh) Tủ Lạnh	Cái	6	
	U =220 V, đóng t = -7°C			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
17	Bộ hẹn giờ xả đá			
	Đồng hồ role thời gian 4 chân TMDF603AD1			
	Có chức năng ngắt điện vào máy nén và cấp điện cho hệ thống điện trở xả đá để tẩy tuyết dàn lạnh. Tùy theo cấu tạo của timer, thời gian xả đá có thể 6h, 8h, 12h, 24h . Thời gian xả đá từ 18 – 30 phút. Đồng hồ thời gian hay còn được gọi là rơ le thời gian nó thực sự rất quan trọng trong sự hoạt động của một chiếc tủ lạnh không bám tuyết .	Cái	6	
	Cấu tạo của đồng hồ :			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
18	Bộ hàn hơi			
	Bộ Hàn Cắt Gió Đá GENERICO 1120-N	Bộ	3	
	Hàn độ dày : 6-32mm			
	Cắt độ dày : 150mm			
	Sử dụng khí : LP-Gas			
	Ống dài : 20"			
	Nhà sản xuất GENERICO			

	Xuất xứ GENERICO		
	Đèn : 1420CN		
	Đồng hồ : 152X-152F		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
19	Bộ đồ nghề điện		
	Bộ đồ nghề sửa điện, điện tử Engineer Nhật KS-08 8 chi tiết	Bộ	6
	Kìm cắt dây		
	Kìm tuốt dây		
	Kìm mỏ nhọn		
	Kìm điện		
	Kìm ép cốt		
	Bút thử điện		
	Mỏ hàn sợi đốt 60w		
	Tuốc nơ vít		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
20	Bộ đồ nghề điện tử		
	Bộ đồ nghề điện tử 3 chi tiết	Bộ	6
	Mỏ hàn tự động đầu chì 900M/936		
	Máy khò điều chỉnh nhiệt độ 858D		
	Dụng cụ hút thiếc hàn, hút chì hàn DS017		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
21	Bộ đồ nghề cơ khí		
	Bộ đồ nghề cơ khí 16 chi tiết	Bộ	6
	Búa nguội		
	Búa cao su		
	Thước lá		
	Êke 90° - 120°		
	Bàn ren, tarô		
	Dũa dẹt		
	Dũa tròn		
	Dũa tam giác		
	Mũi vạch		
	Cưa sắt		
	Máy khoan sắt dùng Pin		
	Máy vặn vít dùng Pin		
	Cờ lê		
	Mỏ lết		
	Tuýp		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
22	Bộ đồ nghề điện lạnh		
	Bộ đồ nghề điện lạnh 11 chi tiết	Bộ	6
	Bộ nong ống đồng		
	Model: VHE-42B		
	Bộ lã ống đồng lệch tâm TOP LU-LALETM		
	Dao cắt ống đồng cỡ trung Tasco TB31N		
	Dùng uông ống đồng máy lạnh.		
	Thông số kỹ thuật		
	• Tạo khuôn cho các ống 5/8", 1/2", 3/8", 5/16", 1/4" (PHI 16, 12, 10, 8, 6)		

	Thước dây 5m			
	Thước thủy 50cm			
	Bộ lục giác			
	Mỏ lết			
	Dũa mịn bản dẹp			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
23	Máy thu hồi môi chất lạnh			
	Thiết bị thu hồi gas lạnh Model: Value VRR24L -R32	Cái	1	
	Chất làm lạnh			
	- Loại 3: R12, R134A, R401C, R500, 1234fy			
	- Loại 4: R22, R410A, R401B, R402B, R407C, R407D, R408A, R409A, R411A, R411B, R412A, R502, R509			
	- Loại 3: R402A, R404A, R407A, R407B, R410A, R507, R32			
	Một phím vận hành chính, dễ dàng sử dụng			
	Thích hợp cho tất cả các chất làm lạnh thường được sử dụng bao gồm R32 và R1234yf			
	Hỗ trợ điện áp :220-240V ~ 50-60Hz			
	Công suất mô tơ: 1 Mã lực			
	Tốc độ mô tơ: 1450 vòng/phút			
	Máy nén: loại không dầu bôi trơn, làm mát bằng không khí, loại pít tông			
	Van an toàn tự động ngắt: 38.5 bar			
	Lưu lượng hút: Hơi: 0.4 kg, chất lỏng: 3.0 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
24	Thiết bị dò môi chất lạnh			
	Máy dò rò rỉ khí lạnh Extech RD200	Cái	1	
	Chất làm lạnh Cảm biến diode được làm nóng để phát hiện các chất làm lạnh			
	- Mức độ nhạy có thể lựa chọn của người dùng: Thấp - 1,05oz (30g) mỗi năm; Cao - 0,2oz (6g) mỗi năm			
	- Thanh đèn LED nhiều màu cho biết mức độ rò rỉ môi chất lạnh được phát hiện			
	- Cổ ngỗng linh hoạt 19,8 "(50,2cm) dễ đo ở những vị trí khó tiếp cận			
	- Cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh			
	- Chỉ báo pin thấp			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
25	Máy hút chân không 1 cấp			
	Máy hút chân không 2.5CFM VP125	Cái	1	
	Lưu lượng 50Hz: 2.5CFM, 70 L/min			
	Độ chân không 5 pa (150 microns)			
	Công suất 1/4 hp			
	Nguồn điện: 220V			
	Đầu vào 1/4 và 1/4 inch ren			
	Lượng dầu 300 ml			
	Trọng lượng: 5.5 kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
26	Máy hút chân không 2 cấp			
	Máy hút chân không 2 cấp Value V-i280SV	Cái	1	
	- Tương thích sử dụng cho các loại Gas lạnh: R410A, R407C,			

	R1234A, R12, R22		
	– Lưu lượng bơm: 198-226 lít/phút		
	– Chân không tuyệt đối (độ hút chân không): 15 Micron		
	– Công suất: 750w		
	– Dung tích dầu: 500 ml		
	– Điện áp: 220V/50Hz		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
27	Bơm cao áp		
	Bơm cao áp SP-2200	Cái	3
	Công suất (HP) 3		
	Điện áp (V) 220		
	Hút sâu (m) 10		
	Cột áp (m) 32		
	Lưu lượng (m ³ /h) 22		
	Ø Ống (mm) 60/60		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
28	Bộ thử kín		
	Bộ kit thử kín TA385BG	Bộ	2
	Bộ kit thử kín đường ống HVACR, bao gồm:		
	Đồng hồ giảm áp từ bình nito 25Mpa xuống 5Mpa		
	Đồng hồ áp suất phía hạ áp		
	Dây chịu áp suất cao (5m)		
	Bình ni tơ		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
29	Máy đo tốc độ gió		
	Máy Đo Tốc Độ Gió Cầm Tay Kanomax 6006-DG	Cái	2
	- Tốc độ gió:		
	Phạm vi: 20 đến 3940 FPM (0,01 đến 20,0 m/s)		
	Độ phân giải: 0,01 m / s (0,01 đến 9,99 m / s), 0,1 m / s (10,0 đến 20,0 m / s)		
	Độ chính xác: +/- 5,0% giá trị đọc hoặc 0,015 m / s tùy theo giá trị nào lớn hơn		
	— Nhiệt độ không khí:		
	Phạm vi: -4 đến 158 ° F (-20 đến 70 ° C)		
	Độ phân giải: +/- 1.0 ° F (0.5 ° C)		
	Độ chính xác: 1,0 ° F (0,1 ° C)		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
30	Máy đo độ ẩm		
	Máy đo nhiệt độ và độ ẩm Hobo U14-001	Cái	2
	÷Khoảng đo:		
	Nhiệt độ: -20° đến 50°C (-4° đến 122°F)		
	Độ ẩm: 15% đến 95%		
	÷Độ chính xác		
	Nhiệt độ: +/- 0,7°C @ 20°C (+/- 1,3° @ 68°F)		
	Độ ẩm: +/-3% giữa 20% và 80%		
	÷Có khả năng ghi hơn 65000 giá trị (11 tháng ghi liên tục nhiệt độ và độ ẩm - với thời gian giữa hai lần lấy tín hiệu là 15 phút)		
	÷Khoảng lấy số liệu (1 giây đến 9 giờ)		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		

31	Máy đo độ ồn			
	Máy đo độ ồn UNI-T UT353BT	Cái	2	
	Chế độ đo: Tất cả trong một			
	Dải độ ồn: 30~130dB			
	Độ chính xác: ± 1.5 dB			
	Độ phân giải: 0.1dB			
	Tần số: 31.5Hz~8kHz			
	Tốc độ lấy mẫu (Nhanh): 125ms			
	Tốc độ lấy mẫu (Chậm): 1000ms			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
32	Nhiệt kế kiểu cặp nhiệt			
	Máy đo nhiệt độ đầu dò rời Ebro TTX 200	Cái	2	
	Khoảng đo: -30 ... +199.9oC			
	- Độ chính xác: ± 0.5 oC (-30oC...+100oC); ± 1 oC cho các khoảng đo còn lại			
	- Độ phân giải: 0.1oC			
	- Đầu đo nhiệt độ bằng thép khDanh mục công gi, đầu nhọn Kích thước: Fi3x120 mm + Tay cầm và cáp nối dài 0.6m			
	- Hiện thị kết quả bằng màn hình LCD, số hiển thị lớn dễ đọc			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
33	Nhiệt kế điện trở			
	UT301A+ Nhiệt Kế Hồng Ngoại Dải Đo -32~420°C	Cái	2	
	Dải nhiệt độ: -32~600°C			
	Độ chính xác: $\pm 1.5\%$ hoặc $\pm 1.5^\circ\text{C}$			
	Tỉ số D:S: 12:1			
	Thời gian hồi đáp: 250ms			
	Độ phát xạ: 0.1~1			
	Đáp ứng phổ: 8~14um			
	Loại laze: Cấp độ 2			
	Công suất laze: < 1mW			
	Bước sóng laze: 630~670nm			
	Tín hiệu laze: Đơn			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
34	Nhiệt kế kiểu áp kế			
	Nhiệt kế hồng ngoại Laser skSATO SK-8700 (-20°C~420°C)	Cái	2	
	Dải đo: -20 ° C ~ 420 ° C (0 ~ 786 ° F)			
	Độ chính xác: $\pm 2^\circ\text{C}$ ở -20 ° C ~ 100 ° C			
	$\pm 2\%$ Đọc ở dải đo khác			
	(điều kiện) Nhiệt độ môi trường ở 23 ° C $\pm 5^\circ\text{C}$ được hiệu chỉnh bằng độ phát xạ vật đen ở 0,95			
	Độ phân giải: 1 ° C / 1 ° F			
	Độ lặp lại: $\pm 1^\circ\text{C}$ / $\pm 1^\circ\text{F}$			
	Độ phát xạ (* 1): Cố định ở mức 0,95			
	Tỷ lệ khoảng cách đến điểm			
	(* 2): 8: 1			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
35	Áp kế kiểu màng đàn hồi			
	Đồng Hồ Đo Áp Suất Dạng Màng	Cái	2	
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			

36	Cân nạp ga điện tử			
	Bàn cân nạp ga điện tử ngắt tự động VALUE VES-50B	Cái	1	
	Khối lượng đo tối đa: 50kg			
	Khoảng đo: 2g			
	Độ chính xác: $\pm 0.05\%$			
	Màn hình hiển thị: LCD			
	có chức năng cài đặt khối lượng			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
37	Đồng hồ đo chân không			
	Máy đo áp suất chân không TESTO 552 (0 ~ 26.66 mbar)	Cái	1	
	Đo áp suất tuyệt đối			
	Dải đo: 0 ~ 0.40 psi / 0 ~ 26.66 mbar / 0 ~ 25000 micron			
	Độ chính xác: $\pm(10 \text{ micron} + 10 \% \text{ giá trị đo})$ (100 ~ 1000 micron)			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
38	Máy khoan sắt			
	Máy khoan DCK – KZJ04-13/10MM-500W	Cái	3	
	Công suất 500W			
	Tốc độ không tải trọng 2.600 vòng/phút			
	Khả năng khoan Thép/Bê tông/Gỗ: 10/13/25mm			
	Khả năng đầu cặp 1.5-13mm			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
39	Máy bắn vít			
	MÁY KHOAN BẮT VÍT YAMASU YMS-10F CÔNG SUẤT LỚN 500W	Cái	3	
	Đường kính mũi : Ø 10mm			
	- Điện áp: 220V - 50Hz			
	- Công suất : 500W			
	- Tốc độ tải: 2.800vòng/phút			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
40	Bơm cao áp			
	Máy Bơm Nước Cao Áp Super Win 3HP	Cái	3	
	Công suất 3HP			
	Hút sâu 8 (m)			
	Cột áp 31 (m)			
	Lưu lượng 31m ³ /giờ			
	Ống 60/60 (mm)			
	Điện áp 220/380 (V)			
	Dòng điện 16/5.3 (A)			
	Đường kính dây dẫn 3.0 (mm)			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
41	Bộ dụng cụ đo lường nghề điện			
	Máy Kiểm Tra Điện Đa Chức Năng Uni-T Ut526	Cái	6	
	Nhiệt độ hoạt động:-10C ~ 45C			
	Lớp chính xác: 5% + 5			
	Điện áp thử nghiệm: 250V/500V/1000V			
	Phạm vi đo: 0.05M ohm ~ 500M ohm			
	Số mô hình: ut526			
	Loại hiển thị: Chỉ kỹ thuật số			

	Vật liệu tự làm thủ công: Điện			
	Điện trở thấp kiểm thử liên tiếp: Có			
	Hiện thị tối đa: 10000			
	Giai đoạn chuyển đổi kiểm tra RCD: Yes			
	AC và DC điện áp tự động discriminat: Yes			
	Kiểm tra RCD: Có			
	Đo điện áp: Có			
	Điện áp thấp hiển thị: Có			
	Đèn cảnh báo màu đỏ: Có			
	Phạm vi thủ công: Có			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
42	Mô hình thực tập PLC	bộ	3	
	A. Chứng nhận và tiêu chuẩn sản xuất			
	1- Tiêu chuẩn ISO: ISO 9001:2015 , ISO 14001:2015, ISO 45001:2018 trong lĩnh vực			
	- Sản xuất, kinh doanh, vận hành và chuyên giao công nghệ mô hình đào tạo dạy nghề: điện, điện tử, cơ điện tử, điện lạnh, cơ khí, ô tô, cơ khí nén, cơ thủy lực, năng lượng tái tạo, IoT.			
	- Kinh doanh phần mềm thiết kế mạch điện tử.			
	2. Tiêu chuẩn công suất, dòng rò cao áp và độ bền điện phù hợp với TCVN 5699-1:2010 và IEC 60335-1:2010 chứng nhận cho Công ty TNHH XD & TM TBĐ Tiến Đạt			
	3. Quy cách hộp nhựa module sử dụng trong mô hình			
	Hộp loại 1: Kích thước phủ bì: 300x134x131mm, kích thước đáy: 90x240 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 10 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 76x6mm ± 1% - Kích thước compac: 128x272x4mm ± 1%			
	Hộp loại 2: Kích thước phủ bì: 300x264x131mm, kích thước đáy: 212x230 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 20 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 76x6 mm ± 1% - Kích thước compac: 256x272x4mm ± 1%			
	Hộp loại 3: Kích thước phủ bì: 300x403x131mm, kích thước đáy: 338x220 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 16 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 69x5 mm ± 1% - Kích thước compac: 396x271x4mm ± 1%			

Hộp loại 4 : Kích thước phủ bì : 300x503x124mm. Đáy có khe tản nhiệt , số lượng khe : 16 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 69x5 mm Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình đào tạo, khắc CNC nét chỉ dẫn, Kiểu hộp module: hộp nhôm nguyên khối 120x503x13mm, nắp ốp hông bằng nhựa màu đen 127x270x5mm			
B. Thiết bị có trong mô hình			
1. Khung bàn thực hành			
01 bàn thực hành chuyên dụng			
+ Kích thước bàn: 1500x750x750mm ± 1%			
+ Mặt bàn làm bằng ván công nghiệp được phủ melamine chống bụi và chống trầy xước			
+ Khung bàn được làm bằng nhôm 40x80mm kết hợp 40x40mm phủ keo dày 80µm chịu được axit, chống trầy xước, kết cấu chuyên dụng lắp ghép. Tích hợp chân tăng đưa kim loại tấm + đế cao su			
01 khung gá module/panel 2 tầng			
+ Khung hai tầng tiêu chuẩn gá module làm bằng nhôm giúp chống trầy xước và thẩm mỹ, kết cấu chuyên dụng lắp ghép. Phủ keo dày 80µm chịu được axit 40x40mm ± 1% thanh đứng, thanh ngang 20x40mm ± 1%, kích thước: 1500x900mm (dài x cao) ± 1%			
01 hộp cung cấp nguồn thí nghiệm			
Kích thước hộp: 1420x170x170 mm làm bằng nhôm định hình nguyên khối phủ anode chống trầy xước, có ốp vách phía sau bằng tấm compact và có nắp ốp bằng nhựa đúc			
Thiết bị bao gồm			
01 Hộp nhôm định hình nguyên khối			
01 Mặt panel			
01 CB 3 pha 32A			
01 công tắc nguồn 1 pha			
01 Switch ON/OFF			
01 nút nhấn khẩn			
01 nguồn 24 Vdc			
03 Cầu chì bảo vệ 3 pha			
01 Cầu chì bảo vệ 1 pha			
04 Đèn báo nguồn			
02 ổ cắm 01 pha			
01 thiết bị giám sát quản lý, bảo vệ điện			
2. Module thực hành PLC			

	Hộp loại 3: Kích thước phủ bì: 300x403x131mm, kích thước đáy: 338x220 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 16 khe, kích thước khe hình hộp xoài kích thước: 69x5 mm ± 1% - Kích thước compac: 396x271x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Thông số kỹ thuật PLC			
	+ Nhà sản xuất là nhà phân phối chính hãng từ hãng Inovance. Đảm bảo chính sách bảo hành, bảo trì từ nhà phân phối chính hãng Inovance tại Việt Nam			
	+ PLC Inovance Easy320-0808TN			
	+ Nguồn cấp 24VDC			
	+ Ngõ vào ra số: 8 DI/8 DO			
	+ Module mở rộng tín hiệu tương tự: 2 AI/1 AO			
	+ Module mở rộng ngõ vào ra số: 8DI/8DO			
	+ Cổng giao tiếp: 2x Ethernet, 1x RS485			
	+ CAN communication support			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	01 PLC Inovance			
	01 module mở rộng tín hiệu tương tự: 2AI/2AO			
	01 module mở rộng ngõ vào ra số: 8DI/8DO Relay			
	3. Module cầu chì bảo vệ 1 pha			
	Hộp loại 1: Kích thước phủ bì: 300x134x131mm, kích thước đáy: 90x240 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 10 khe, kích thước khe hình hộp xoài kích thước: 76x6mm ± 1% - Kích thước compac: 128x272x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			

	02 cầu chì bảo vệ 1 pha 5A			
	4. Module cầu chì bảo vệ 3 pha			
	Hộp loại 1: Kích thước phủ bì: 300x134x131mm, kích thước đáy: 90x240 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 10 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 76x6mm ± 1% - Kích thước compac: 128x272x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	03 cầu chì bảo vệ 3 pha 20A			
	5. Module nút nhấn			
	Hộp loại 2: Kích thước phủ bì: 300x264x131mm, kích thước đáy: 212x230 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 20 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 76x6 mm ± 1% - Kích thước compac: 256x272x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	06 nút nhấn ON/OFF 5A			
	02 nút nhấn khẩn 5A			
	6. Module đèn báo			
	Hộp loại 1: Kích thước phủ bì: 300x134x131mm, kích thước đáy: 90x240 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 10 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 76x6mm ± 1% - Kích thước compac: 128x272x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			

	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	04 đèn báo 220VAC			
	7. Module relay trung gian			
	Hộp loại 3: Kích thước phủ bì: 300x403x131mm, kích thước đáy: 338x220 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 16 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 69x5 mm ± 1% - Kích thước compac: 396x271x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	03 Relay trung gian 24VDC			
	03 Relay trung gian 220VAC			
	8. Module contactor			
	Hộp loại 3: Kích thước phủ bì: 300x403x131mm, kích thước đáy: 338x220 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 16 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 69x5 mm ± 1% - Kích thước compac: 396x271x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	03 Contactor 220/380VAC			
	9. Module cảm biến điện từ, điện dung, quang			

	Hộp loại 3: Kích thước phủ bì: 300x403x131mm, kích thước đáy: 338x220 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 16 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 69x5 mm ± 1% - Kích thước compac: 396x271x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	02 Cảm biến điện từ 24VDC			
	02 Cảm biến điện dung 24VDC			
	02 Cảm biến quang 24VDC			
	10. Module cảm biến nhiệt độ			
	Hộp loại 2: Kích thước phủ bì: 300x264x131mm, kích thước đáy: 212x230 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 20 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 76x6 mm ± 1% - Kích thước compac: 256x272x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	02 cảm biến nhiệt độ 0-100 oC			
	01 thiết bị gia nhiệt			
	11. Module bộ chuyển đổi tín hiệu cảm biến nhiệt			
	Hộp loại 2: Kích thước phủ bì: 300x264x131mm, kích thước đáy: 212x230 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 20 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 76x6 mm ± 1% - Kích thước compac: 256x272x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			

	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	02 thiết bị chuyển đổi tín hiệu cảm biến nhiệt 0-10VDC			
	12. Module cảm biến áp suất			
	Hộp loại 2: Kích thước phủ bì: 300x264x131mm, kích thước đáy: 212x230 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 20 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 76x6 mm ± 1% - Kích thước compac: 256x272x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	Danh mục thiết bị			
	01 Hộp nhựa			
	01 mặt phíp			
	01 Cảm biến áp suất 1bar tín hiệu, 4-20mA			
	01 bộ thiết bị tạo áp suất			
	13. Module thực hành biến tần			
	Hộp loại 2: Kích thước phủ bì: 300x264x131mm, kích thước đáy: 212x230 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 20 khe, kích thước khe hình hột xoài kích thước: 76x6 mm ± 1% - Kích thước compac: 256x272x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	* Danh mục vật tư chính:			
	01 mặt panel			
	01 hộp nhựa			
	01 Biến tần Inovance			
	+ Nhà sản xuất là nhà phân phối chính hãng từ hãng Inovance. Đảm bảo chính sách bảo hành, bảo trì từ nhà phân phối chính hãng Inovance tại Việt Nam			

	+ Model: MD200			
	+ Nguồn cấp: 1p 220VAC			
	+ Điện áp ngõ ra: 3p 0-240VAC			
	+ Công suất: 2HP			
	+ Cổng giao tiếp: RS485			
	14. Động cơ điện 1 pha			
	Khung gá			
	- Chân đế bằng nhôm định hình phủ anốt, có nắp vít bảo vệ			
	- Hộp điện tiêu chuẩn công nghiệp, tích hợp jack chống giật M4. Có khắc nét CNC chỉ dẫn sâu 0.2mm			
	Động cơ			
	- Điện áp: 220VAC			
	- Công suất: 1HP			
	15. Động cơ điện không đồng bộ 3 pha			
	Khung gá			
	- Chân đế bằng nhôm định hình phủ anốt, có nắp vít bảo vệ			
	- Hộp điện tiêu chuẩn công nghiệp, tích hợp jack chống giật M4. Có khắc nét CNC chỉ dẫn sâu 0.2mm			
	Động cơ			
	- Điện áp: 380/220V-Y/D			
	- Công suất: 2 HP			
	16. Module thực hành mô phỏng tín hiệu tương tự và hiển thị giá trị tương tự:			
	Hộp loại 2: Kích thước phủ bì: 300x264x131mm, kích thước đáy: 212x230 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 20 khe, kích thước khe hình hộp xoài kích thước: 76x6 mm ± 1% - Kích thước compact: 256x272x4mm ± 1%			
	- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
	- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
	- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
	- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
	+ 02 lối ra nguồn 0 - 10 VDC và bộ hiển thị kim			
	+ 02 lối ra dòng 0- 20 mA và bộ hiển thị kim			
	+ 01 bộ hiển thị áp kim			
	+ 01 bộ hiển thị dòng kim			
	+ 01 lối vào nguồn 24 VDC			
	17. Module thực hành cắt đứt			

Hộp loại 3: Kích thước phủ bì: 300x403x131mm, kích thước đáy: 338x220 mm. Đáy có khe tản nhiệt, số lượng khe: 16 khe, kích thước khe hình hộp xoài kích thước: 69x5 mm ± 1% - Kích thước compac: 396x271x4mm ± 1%			
- Làm bằng tấm compact chuyên dụng cho mô hình dạy nghề			
- Khắc CNC nét chỉ dẫn			
- Kiểu hộp module: hộp nhựa PVC			
- Trên mặt panel đã tích hợp các jack cắm 4mm chống giật tiêu chuẩn EC			
- module mô phỏng dao cắt bám theo phôi Trên băng tải			
- Thực hành xuất xung điều khiển động cơ bước và đọc, xử lý tín hiệu encoder			
Danh mục thiết bị			
01 mặt phíp module			
01 hộp nhựa			
01 động cơ DC có hộp số giảm tốc, độ phân giải encoder 900 xung/vòng			
01 Động cơ bước			
03 cảm biến tiệm cận			
02 bộ dây đai và puly			
* Bài tập điều khiển			
- Thực hành điều khiển động cơ Step			
- Thực hành điều khiển cắt đuôi vật trên Module			
18. Bộ phụ kiện tài liệu			
- Dây cắm thí nghiệm			
- Hộp cầu chì thay thế			
- Tài liệu hướng dẫn thực hành			
19. Máy tính Laptop Dell(Dell Precision 5560)	Cái	3	
Bộ xử lý			
Công nghệ CPU: Intel Core i9 thế hệ 11			
Loại CPU - Tốc Độ: i9 - 11950H (8 Cores, 16 Threads, 24 MB, up to 5.00 GHz)			
Bộ nhớ RAM			
RAM: 64 GB			
Loại RAM: DDR4			
Tốc độ BUS: 3200 MHz			
Ổ cứng:			
Dung lượng ổ cứng: 1TB			
Màn hình			
Kích thước màn hình: 15.6 inch			
Độ phân giải: 4K+ (3840 X 2400 pixels)			

	Công nghệ MH: WVA, 500nits, 100% sRGB, 94% DCI-P3, 60 Hz, Anti-Reflection		
	Cảm ứng: Cảm ứng đa điểm		
	Card đồ họa		
	Card đồ họa tích hợp: Intel Graphics		
	Card đồ họa rời: NVIDIA RTX A2000		
	Bộ nhớ đồ họa: 4GB GDDR6		
	Audio		
	Audio: Stereo - 2 loa		
	Speaker: 2 loa x 6W		
	Công nghệ Audio: Realtek		
	Microphones: Microphone tích hợp		
	Giao tiếp		
	Kết nối mạng: Wi-Fi 6		
	Bluetooth: Bluetooth 5.2		
	HDMI:		
	Reader: SD Card Reader		
	USB: 1x USB-C 3.2 Gen 2		
	2x USB-C Thunderbolt 4		
	Audio Output: Jack 3.5mm (Input & Output)		
	Camera: HD camera (720P)		
	Security - Bảo mật:		
	Cảm biến vân tay		
	PIN/Battery		
	Công nghệ pin: Lithium Ion		
	Thông tin Pin: 6 cell - 86 WHr		
	Thông tin bộ sạc: 130 W AC adapter, USB-C		
	Keyboard & Touchpad		
	Touchpad: 150.9 mm x 90 mm		
	Hệ điều hành: Windows 11 Bản Quyền		
	Màu sắc: Đen		
	Kích thước - Trọng lượng		
	Kích thước:		
	7.7 - 11.64 x 344.4 x 230.3 (mm)		
	Trọng lượng:		
	1.84 Kg		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		
43	Máy đo độ ẩm		
	Nhiệt ẩm kế kỹ thuật số	Cái	6
	(-20 - +50oC, 5 - 95%RH)		
	Phạm vi đo: Nhiệt độ / -20 đến + 50 °C, Độ ẩm / 5 - 95% RH, Nhiệt độ bầu ướt / -21,6 đến + 49 °C, Nhiệt độ điểm sương / -49 đến + 49 °C		
	Độ chính xác của phép đo: Nhiệt độ / +/- 0,6 °C (0 đến + 50 °C), Độ ẩm / +/- 3% RH (25 °C) (10 - 90% RH)		
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau		

44	Máy đo độ ồn			
	Máy đo độ ồn UNI-T UT353BT	Cái	6	
	Chế độ đo: Tất cả trong một			
	Dải độ ồn: 30~130dB			
	Độ chính xác: ± 1.5 dB			
	Độ phân giải: 0.1dB			
	Tần số: 31.5Hz~8kHz			
	Tốc độ lấy mẫu (Nhanh): 125ms			
	Tốc độ lấy mẫu (Chậm): 1000ms			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
45	Bộ điều khiển nhiệt độ			
	Bộ điều khiển nhiệt độ Conotec FOX-1004 (-40 đến 90°C)	Cái	10	
	Khoảng nhiệt độ hoạt động -40.0~90.0°C			
	Nhiệt độ hiển thị -50.0~100.0°C			
	Đầu dò (cảm biến) Diode (dây dài 3M)			
	Hiển thị chính xác $\pm 1\%$ rdg ± 1 digit			
	Ngõ ra 1relay(1C) 250 VAC 2A			
	Phương thức điều khiển ON/OFF			
	Kích thước lỗ cắt khi lắp đặt(mm) 71(W) \times 29(H)			
	Nguồn điện 230VAC 50/60Hz			
	Cài đặt chương trình dùng phím Set/Up/Down			
	Môi trường (Nhiệt độ, Độ ẩm) 0~55°C(32~131°F), 35~80%RH			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
46	Động cơ điện không đồng bộ 1 pha			
	Động Cơ Mô Tơ Hitachi Một pha, 1/4HP-EFOUP-KT-4P	Cái	6	
	Số cực : 4 POLE (1450 vòng/phút)			
	Điện áp: 220v 50 Hz.			
	Công suất : 1/4 HP (0.2KW)			
	Hệ số cách điện: từ B/F.			
	Vỏ tron có khe thoát khí giải nhiệt.			
	Quạt gió tản nhiệt: bên ngoài.			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
47	Động cơ điện không đồng bộ 3 pha			
	Motor điện 3 pha 2,2kw (3HP) tốc độ 730 - 750 (8P) HEM VIHEM	Cái	6	
	Loại động cơ điện không đồng bộ 3 pha			
	Kiểu Type: 3K132S8 (chân đế – hộp cực ngang)			
	Công suất định mức: 2.2kW – 3HP (3 mã lực – sức ngựa)			
	Điện áp định mức: 220/380V/50Hz			
	Dòng điện định mức: 10.7/6.2 A			
	Tốc độ định mức: 730 (~750) vòng/phút (8P – 8 cực)			
	Hệ số công suất định mức: 0.71			
	Lớp cách điện: F			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
48	Máy in			
	Máy in laser trắng đen đơn năng Brother 5210DN	Cái	1	
	Chức Năng :In			
	Loại Máy In Máy in laser			
	Kích Thước Sản Phẩm (Rộng x Sâu x Cao)			

373 mm × 388 mm × 257 mm			
Trọng lượng : 9.5 kg			
Tốc Độ In :A4: lên đến 48 trang/phút			
Letter: lên đến 50 trang/phút			
Loại Giấy : Plain Paper, Letterhead, Coloured Paper, Thin Paper, Thick Paper, Thicker Paper, Recycled Paper, Bond, Label, Envelope, Env.Thin, Env.Thick			
Khổ Giấy : A4, Letter, B5 (JIS), A5, A5 (Long Edge), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, Folio, 16K (195x270 mm), A4 Short (270mm Paper), COM-10, DL, C5, Monarch			
Sức Chứa Giấy Tối Đa :Lên đến 1,390 tờ (80 gsm) (với các khay giấy thêm vào tùy chọn)			
In Ấn			
Độ Phân Giải			
Lên đến 1200 x 1200 dpi			
Loại Giấy In 2 Mặt			
Plain Paper, Letterhead, Coloured Paper, Thin Paper, Recycled Paper			
Khổ Giấy In 2 Mặt			
A4, Letter, Legal, Mexico Legal, India Legal, Folio			
(Các khổ giấy khác với A4 chỉ được hỗ trợ ở một số quốc gia.)			
Xử Lý Giấy			
Đầu Vào Giấy - Khay Giấy #1 - Trọng Lượng			
60 to 163 gsm (16 to 43 lb)			
Đầu Vào Giấy - Khay Giấy #1 - Số Tờ Tối Đa			
Lên đến 250 tờ (80 gsm)			
Đầu Vào Giấy - Khay Giấy #1 - Dọc			
A4, Letter, B5 (JIS), A5, A5 (Long Edge), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, Folio, 16K (195x270 mm), A4 Short (270mm Paper)			
Đầu Vào Giấy - Khay Giấy #2 - Trọng Lượng Giấy			
60 to 120 gsm (16 to 32 lb)			
Đầu Vào Giấy - Khay Giấy #2 - Số Tờ Tối Đa			
LT-5505: lên đến 250 tờ (80 gsm)			
LT-6505: lên đến 520 tờ (80 gsm)			
Khay Giấy Đa Năng - Trọng Lượng Giấy Tối Đa			
60 to 230 gsm (16 to 60 lb)			
Khay Giấy Đa Năng - Khổ Giấy			
Width: 69.8 to 215.9 mm (2.75" to 8.5")			
Length: 127 to 355.6 mm (5" to 14")			
Envelope: COM-10, DL, C5, Monarch			
Khay Giấy Đa Năng - Số Tờ Tối Đa			
Lên đến 100 tờ (80 gsm)			
Đầu Ra Giấy			
Lên đến 150 tờ (80 gsm) (khay giấy vào mặt sấp, khay giấy ra mặt sấp)			
1 tờ (khay giấy vào mặt ngửa, khay giấy ra mặt ngửa)			
Connectivity			
Connectivity			
Hi-SpeedUSB2.0, 10Base-T/100Base-TX/1000Base-T			
Màn Hình & Bộ Nhớ			

	Màn Hình			
	LCD 1 dòng (16 ký tự)			
	Dung Lượng Bộ Nhớ			
	1GB			
	Vận Hành			
	Nguồn Điện			
	220 - 240 V AC 50/60 Hz			
	Công Suất Tiêu Thụ Điện - Đang In			
	Approximately 680 W (For Taiwan)			
	Approx. 670 W (Except for Taiwan)			
	Công Suất Tiêu Thụ Điện - Sẵn Sàng			
	Xấp xỉ 31 W			
	Công Suất Tiêu Thụ Điện - Chế Độ Ngủ			
	Xấp xỉ 5.5 W			
	Công Suất Tiêu Thụ Điện - Tắt Nguồn			
	Xấp xỉ 0.05 W			
	Độ Ổn			
	54.0 dB (A)			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
49	Máy vi tính để bàn			
	Model: CMS X-Media XQ5P-B86.GM	Bộ	10	
	<p>- Bộ vi xử lý: Intel® Core™ i5-12400 (2.50Ghz Max Turbo 4.40GHZ/18MB Intel® Smart Cache/6C/12T)</p> <p>- L3971:L3972Chipset Intel® H610; 4 x DIMM max 128GB; Đồ họa Intel® UHD Onboard; Gigabit LAN controller. 1x PS/2 keyboard; 1x PS/2 mouse port; 1x DisplayPort port; 1x HDMI port; 1x DVI-D port; 1x D-Sub port; 1x LAN (RJ45) ports; 1x Com port; 3x audio jacks; 4 x USB 3.2 Gen1 ports (2 cổng ra sau thân máy(1x USB 3.2 Gen1 Type-A port, 1x USB 3.2 Gen1 Type-C port , 2 cổng chờ trên bo mạch chủ); 8 x USB 2.0 ports (4 cổng ra sau thân máy, 4 cổng chờ trên bo mạch chủ); 4x SATA 6Gb/s connectors; 1x LPT connector; 1x COM connector; 1x Chassis Intrusion connector; IC 2.0 Onboard; 1x TPM module connector; 1 x M.2 2280/2260/2242 (Both SATA & x 2 PCIE mode); 1x M.2 slot with E key for WiFi (PCIe) module only(M2_2); 3 x PCIe; 1 x PCI; 3x đèn LED (báo hỏng CPU, RAM, VGA sẵn trên bo mạch chủ)</p>			
	Bộ nhớ: 8GB DDR4 Bus 2666Mhz			
	Video controller: Intel® UHD Graphics			
	Audio: 7.1-Channel High Definition Audio			
	Ethernet: Gigabit LAN controller			
	Ổ cứng: SSD 256GB SATA3			
	Màn hình: CMS LED 21.5" Widescreen (kích thước màn hình: 21.5"; Độ phân giải: 1920 x 1080; Cổng kết nối: VGA + HDMI; Thời gian đáp ứng 5ms; Góc nhìn (đọc/ ngang): 178°/ 178°)			

	Vỏ máy và nguồn: CMS Slim w/250W (1x Audio; 1x Mic, 2x USB 3.0, khe cắm thẻ nhớ (1x SD; 1x Micro SD)			
	(Cảnh báo mở thùng máy bằng cách sử dụng phần mềm cài đặt trong máy tính để gửi thông qua thư điện tử đến người quản trị được khai báo trong hệ thống khi thùng máy bị mở)			
	Bàn phím: CMS standard chuẩn USB			
	Chuột: CMS Optical chuẩn USB			
	Chuột: CMS Optical chuẩn USB			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
50	Tủ đựng dụng cụ (cơ khí)			
	Tủ đựng dụng cụ cơ khí	Cái	3	
	Tủ công cụ được hàn cố định với thiết kế bằng thép tấm vô cùng mạnh mẽ.			
	- Có thể khóa			
	- Cung cấp hoàn chỉnh với các phụ kiện như trong hình.			
	- Được sơn tĩnh điện màu xanh và màu xám.			
	Chiều rộng: 1020mm			
	Chiều sâu: 540mm			
	Chiều cao: 2000mm			
	Trọng lượng: 150kg			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			
51	Tủ đựng dụng cụ (nghề Điện)			
	Tủ dụng cụ 8 ngăn	Cái	1	
	tủ đựng đồ nghề 600x450x800			
	- Kích thước lớn giúp để được nhiều dụng cụ hơn			
	- Sơn loại tốt bền đẹp chất lượng cao			
	- Có khóa an toàn			
	- Có thể kết hợp thêm với khay linh kiện			
	Năm sản xuất: Từ năm 2023 trở về sau			

PHỤ LỤC 02

(Đính kèm Thư mời báo giá số 17/TCĐGL ngày 17 tháng 7 năm 2024)

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số báo giá:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trường Cao đẳng Gia Lai

Căn cứ Thư mời báo giá của đơn vị và khả năng cung cấp của Công ty chúng tôi xin gửi tới Trường Cao đẳng Gia Lai báo giá các hàng hoá như sau:

stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Model/Nhà sản xuất/ nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT (VNĐ)	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6
1						
2						
3						
...						

Báo giá đã bao gồm: Thuế VAT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, vận hành, bảo trì bảo dưỡng suốt thời gian bảo hành, phí bảo hiểm ...

Bảng báo giá có hiệu lực 90 ngày kể từ ngày báo giá, điều kiện thanh toán (nếu có). Điều kiện bảo hành (12-24 tháng tùy loại thiết bị), điều kiện bảo trì bảo dưỡng, cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế trong vòng 5-10 năm và các điều kiện khác...

....., ngày ... tháng ... năm 2024

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)